

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

ĐÀO THỊ KHÁNH LY

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH ĐẦU
TU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG - TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG LŨNG LÔ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

ĐÀO THỊ KHÁNH LY

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG - TỔNG CÔNG TY**

XÂY DỰNG LŨNG LÔ

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VŨ ĐÌNH HIỂN

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài nghiên cứu *“Tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô ”* của luận văn này là kết quả của sự nỗ lực cố gắng, tìm tòi và sáng tạo của riêng bản thân em cùng với sự hướng dẫn tận tình của người hướng dẫn khoa học TS. Vũ Đình Hiến. Em xin cam đoan, kết quả nghiên cứu của công trình hoàn toàn là kết quả của quá trình nghiên cứu tại Chi nhánh đầu tư phát triển hạ tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Em xin cam đoan những lời trên đây là hoàn toàn đúng sự thật và em xin chịu toàn bộ trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Hà Nội, tháng 11 năm 2016

Học viên

Đào Thị Khánh Ly

LỜI CẢM ƠN

Công trình nghiên cứu “*Tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô*” được hoàn thành, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của bản thân, em xin được gửi lời trân trọng cảm ơn và biết ơn sâu sắc tới thầy giáo hướng dẫn khoa học TS. Vũ Đình Hiến người đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo em trong quá trình em triển khai đề tài và viết luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô trong Hội đồng phản biện đề cương và Hội đồng phản biện luận văn đã góp ý giúp em hoàn thiện tốt hơn luận văn của mình, Khoa sau đại học và Khoa kế toán vì đã tạo những điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất và đảm bảo chất lượng giảng viên cho chúng em trong quá trình theo học tại đây.

Em xin chân thành cảm ơn Ban tài chính kế toán - Chi nhánh đầu tư phát triển hạ tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, gia đình và những bạn bè thân thiết của em đã tạo điều kiện, động viên, khích lệ, luôn ủng hộ và giúp đỡ em trong suốt thời gian qua để em được đi học và hoàn thành luận văn của mình.

Học viên

Đào Thị Khánh Ly

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	1
1.1 Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2 Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
1.3 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.....	4
1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
1.5 Kết cấu của luận văn.....	4
CHƯƠNG 2 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	6
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp.....	6
2.1.1. Khái niệm phân tích tài chính doanh nghiệp.....	6
2.1.2. Ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp	6
2.2. Tổ chức hoạt động phân tích tài chính doanh nghiệp.....	7
2.2.1. Lập kế hoạch phân tích.....	7
2.2.2. Thực hiện phân tích tài chính doanh nghiệp	15
2.2.2.1. Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp (Kỹ thuật phân tích).....	15
2.2.2.2 Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp.....	19
2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác phân tích tài chính doanh nghiệp.....	33
2.2.3.1. Các nhân tố chủ quan.....	33
2.2.3.2. Các nhân tố khách quan	34
2.2.4. Kết thúc phân tích	36
CHƯƠNG 3 – THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH ĐTPT HẠ TẦNG – TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG LŨNG LÔ	36
3.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	37

3.1.1 Lịch sử hình thành.....	37
3.1.2 Ngành nghề kinh doanh.....	38
3.1.3 Sơ đồ tổ chức	40
3.2 Thực trạng tổ chức hoạt động tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.	41
3.2.1 Lập kế hoạch phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	41
3.2.1.1 Mục tiêu phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	41
3.2.1.2 Quy trình phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	42
3.2.1.3 Thời gian phân tích và phạm vi phân tích	44
3.2.2 Thực hiện phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	44
3.2.2.1 Phương pháp phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.	45
3.2.2.2 Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.	45
3.3.3 Kết thúc phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.....	75
CHƯƠNG 4 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG LŨNG LÔ	82
4.1 Phương hướng hoàn thiện công tác phân tích tài chính.	82
4.2 Các giải pháp hoàn thiện công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.	82
KẾT LUẬN.....	103

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính
CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
EBIT	Earning Before Interest and Taxes – Lợi nhuận trước thuế và lãi vay
HTK	Hàng tồn kho
LN	Lợi nhuận
LNST	Lợi nhuận sau thuế
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
ROA	Return on Assets – Tỷ suất sinh lợi trên tài sản
ROE	Return on Equity – Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
TSDH	Tài sản dài hạn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
VCSH	Vốn chủ sở hữu

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Phân tích kết cấu tài sản và nguồn vốn.....	22
Biểu 2.2: Phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	23
Bảng 3.1: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.	47
Bảng 3.2: Phân tích tình hình công nợ Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.....	55
Bảng 3.3: Phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.....	57
Bảng 3.4: Phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.....	59
Bảng 3.5: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.	62
Bảng 3.6: Phân tích tình hình công nợ Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.....	64
Bảng 3.7: Phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.....	66
Bảng 3.8: Phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.....	67
Bảng 3.9: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.	69
Bảng 3.10: Phân tích tình hình công nợ Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	72
năm 2015.....	72
Bảng 3.11: Phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	73

năm 2015.....	73
Bảng 3.12: Phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	74
năm 2015.....	74
Bảng 4.1: Phân tích ROA và ROE của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô theo phương pháp Dupont.....	88
Bảng 4.2: Phân tích quá trình sử dụng vốn tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.....	90
Bảng 4.3: Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.....	93
Bảng 4.4: Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.....	95
Bảng 4.5: Phân tích khả năng sinh lời của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.....	97
Bảng 4.6: Phân tích khả năng cân đối vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.....	99
Bảng 4.7: Phân tích khả năng hoạt động của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.....	101

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1 Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, cùng với sự đổi mới của nền kinh tế thị trường và sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các thành phần kinh tế đã gây ra những khó khăn và thử thách cho các công ty. Tốc độ phát triển kinh tế (GDP) giai đoạn 2011-2015 chỉ 5,91%/năm (số liệu nhà nước), thấp hơn, không đạt mục tiêu đề ra tại Đại hội XI của Đảng là tăng từ 7% đến 7,5%/năm. Nghị quyết của Đại hội XII năm 2016 đưa chỉ tiêu phát triển kinh tế kế hoạch 5 năm 2016-2021 là 6,5% đến 7%/năm. Trong bối cảnh đó, để có thể khẳng định được mình mỗi công ty cần phải nắm vững tình hình cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Để đạt được điều đó, các công ty phải luôn 0 quan tâm đến tình hình tài chính vì nó quan hệ trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và ngược lại.

Việc thường xuyên tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ không những cần thiết cho lãnh đạo công ty mà còn cần thiết đối với tất cả các đối tượng bên ngoài công ty đánh giá được thực trạng tài chính. Lãnh đạo công ty sẽ đưa ra được các quyết định kinh tế phù hợp, sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả tài sản và các nguồn lực. Nhà đầu tư có quyết định đúng đắn với với sự lựa chọn đầu tư của mình, các chủ nợ được đảm bảo về khả năng thanh toán của công ty đối với các khoản cho vay. Nhà cung cấp và khách hàng đảm bảo được việc công ty sẽ thực hiện các cam kết đặt ra. Các cơ quan quản lý Nhà nước có được các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của công ty và đồng thời kiểm soát được hoạt động của công ty bằng pháp luật.

Việc tổ chức hoạt động phân tích tài chính cũng sẽ giúp công ty trong việc hoạch định chiến lược phát triển lâu dài, đề ra những giải pháp tài chính nhằm lành mạnh hoá tình hình tài chính, cũng như khẳng định thương hiệu trên thị trường. Trên thực tế, hầu hết các công ty chưa thực sự quan tâm đến công tác phân tích tình hình tài chính. Do hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà nước còn hạn chế, các công ty chưa có phương pháp thống nhất và các tiêu chí mang tính chuẩn mực để tiến hành phân tích tình hình tài chính công ty mình.

Do vậy, việc hoàn thiện nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại doanh nghiệp nói chung và Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng – Tổng công ty xây dựng Lũng Lô nói riêng là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

1.2 Tổng quan tình hình nghiên cứu

Những đề tài liên quan đến phân tích tài chính là đề tài không phải là mới, đã có rất nhiều những đề tài nghiên cứu liên quan thông qua các công trình chuyên sâu về phân tích tài chính doanh nghiệp, có thể kể đến như:

Về giáo trình và sách báo, ở Việt Nam, một số tác giả có uy tín trong các trường đại học hàng đầu về kinh tế cũng có những nghiên cứu về phân tích tài chính như: Tác giả PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ (2009), *Phân tích tài chính doanh nghiệp lý thuyết, thực hành*, NXB Tài chính, Hà Nội, đã trình bày các lý thuyết cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp; đưa ra hệ thống các phương pháp và chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính, phân tích cơ cấu tài chính, hiệu quả kinh doanh và rủi ro tài chính; tác giả TS. Lê Thị Xuân (2010), *Phân tích và sử dụng Báo cáo tài chính*, Học viện Ngân hàng, thì tiếp cận phân tích theo các báo cáo tài chính cụ thể phân tích tình hình và báo cáo kết quả kinh doanh, phân tích hoạt động đầu tư (dựa trên Bảng cân đối kế toán), phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ (dựa trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ) và có một phần nghiên cứu về các tỷ số tài chính.

Ngoài ra, qua tìm hiểu cũng có rất nhiều tác giả lựa chọn phân tích tài chính doanh nghiệp làm luận văn thạc sỹ tại các trường đại học, có thể kể đến một số luận văn sau:

Trần Thị Luận (2015), *Phân tích báo cáo tài chính của công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Bùi Thị Thanh Hương (2013), *Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích tài chính tại Công ty 17 - Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Nguyễn Hồng Nhung (2011), *Hoàn thiện công tác phân tích tài chính tại Tổng công ty xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Những công trình nghiên cứu của các tác giả trên đây đã có những đóng góp nhất định kể cả về mặt lý luận và thực tiễn trong phân tích tài chính. Các công trình nghiên cứu trên đều mang tính chất đặc thù của từng ngành, từng doanh nghiệp có những loại hình kinh doanh khác nhau, đã chỉ ra được những điểm mạnh, điểm yếu và đưa ra những giải pháp rất cụ thể cho các công ty. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu cũng có những tồn tại như sau: “Phân tích hệ thống chỉ tiêu tài chính theo nội dung kinh tế” nhưng chưa sâu và đầy đủ các nhóm chỉ tiêu tài chính cần thiết, có đưa ra việc phân tích hiệu quả sử dụng chi phí nhưng chưa thấy được khả năng kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.

Chính vì thế, đề tài “Tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô” của em vừa là công trình nghiên cứu đầu tiên về Tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô vừa rút

kinh nghiệm và khắc phục những hạn chế từ các đề tài nghiên cứu trước có liên quan.

1.3 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu thực trạng tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng – Tổng công ty xây dựng Lũng Lô để đưa ra các nhận định, đánh giá về tổ chức hoạt động phân tích tài chính đồng thời phân tích đánh giá tình hình tài chính tại Công ty.

- Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức hoạt động phân tích tài chính, cải thiện tình hình tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng – Tổng công ty xây dựng Lũng Lô và đưa ra các kiến nghị nhằm tạo điều kiện phù hợp để thực hiện các giải pháp đã được đề xuất.

1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài đi sâu vào nghiên cứu tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô và phân tích đánh giá tình hình tài chính tại Công ty.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn giới hạn nội dung và phương pháp tổ chức phân tích tài chính, tình hình tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô giai đoạn năm 2013 – 2015.

1.5 Kết cấu của luận văn.

Tên luận văn: “**Tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô**”.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, bảng biểu luận văn gồm bốn chương.

Chương 1: Giới thiệu đề tài nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động phân tích tài chính doanh nghiệp

Chương 3: Thực trạng tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp.

2.1.1. Khái niệm phân tích tài chính doanh nghiệp.

Phân tích tài chính doanh nghiệp là sử dụng một tập hợp các khái niệm, phương pháp, các công cụ để thu thập và xử lý các thông tin kế toán và các thông tin khác trong quản lý doanh nghiệp nhằm đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp, giúp người sử dụng thông tin đưa ra quyết định tài chính, quyết định quản lý phù hợp.

Tiền hành phân tích tài chính doanh nghiệp nhằm mục đích chủ yếu là đánh giá được thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm phân tích như: Tình hình phân bổ vốn và nguồn vốn, tình hình đầu tư, tình hình công nợ, khả năng thanh toán, khả năng hoạt động, khả năng sinh lời... Thông qua việc phân tích nói trên sẽ cung cấp thông tin cho những đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp để đưa ra những quyết định thích hợp đáp ứng được lợi ích riêng của mình.

2.1.2. Ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp

Đề tài này nghiên cứu phân tích tài chính doanh nghiệp với người sử dụng thông tin là các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy em chỉ đề cập ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp đối với chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp. Đối với chủ doanh nghiệp và nhà quản trị doanh nghiệp, phân tích tài chính cung cấp cho họ những thông tin nhằm tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ. Ngoài ra, giá trị phân tích còn đưa đến nhiều mục tiêu khác như công ăn việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm với chi phí thấp nhất, đóng góp phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường... Tuy nhiên, một

doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện được các mục tiêu này nếu đáp ứng được hai thử thách sống còn là kinh doanh có lãi và thanh toán được nợ.

Trước đây trong việc phân tích tài chính còn nghèo nàn, có nhiều hạn chế, thường chỉ giới hạn trong việc cung cấp thông tin tài chính cho người đầu tư, cho các ngân hàng, còn trong bản thân các doanh nghiệp chưa được chú trọng một cách hợp lý. Nhưng ngày nay, cùng với sự phát triển của các doanh nghiệp, các ngân hàng và đặc biệt là thị trường vốn càng cho thấy phân tích tài chính là có ích và hết sức cần thiết. Thông tin tài chính rất có giá trị đối với những ai quan tâm và muốn sử dụng chúng một cách có hiệu quả. Trong mối quan hệ kinh tế với doanh nghiệp, chỉ trên cơ sở phân tích các chỉ số tài chính mới có thể phán đoán được các tình huống có thể xảy ra trong tương lai. Do đó, phân tích tài chính doanh nghiệp không những có ý nghĩa quyết định hiện tại mà trong một tương lai gần nó vẫn giữ nguyên giá trị.

2.2. Tổ chức hoạt động phân tích tài chính doanh nghiệp

2.2.1. Lập kế hoạch phân tích

a. Mục tiêu phân tích tài chính

Quá trình phân tích tài chính được tiến hành theo tùy loại hình tổ chức kinh doanh ở các doanh nghiệp nhằm mục đích cung cấp, đáp ứng nhu cầu thông tin cho quá trình lập kế hoạch, kiểm tra và ra quyết định. Công tác tổ chức phân tích phải làm sao thỏa mãn cao nhất nhu cầu thông tin của từng loại hình quản trị khác nhau. Giai đoạn này phải xác định mục đích của việc phân tích là gì: tính thanh khoản, tình hình đảm bảo nguồn vốn.... từ đó đưa ra quy trình phù hợp với từng loại mục tiêu.

b. Quy trình thực hiện phân tích tài chính doanh nghiệp.

Để phân tích tài chính doanh nghiệp thực sự phát huy tác dụng trong quản lý tài chính thì hoạt động đó cần phải được thực hiện theo một quy trình

khoa học, hợp lý, phù hợp với đặc điểm kinh doanh và mục tiêu của từng đối tượng. Tùy thuộc vào đặc điểm riêng của doanh nghiệp mà quy trình tổ chức phân tích tài chính có thể khác nhau, nhưng nhìn chung công tác tổ chức phân tích tài chính thường qua các bước: Chuẩn bị và tiến hành phân tích.

▼ Công tác chuẩn bị

Chuẩn bị phân tích là khâu quan trọng, nó ảnh hưởng nhiều đến chất lượng, thời gian và tác dụng của công tác phân tích tài chính. Công tác chuẩn bị phân tích bao gồm lập kế hoạch phân tích, thu thập các thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc phân tích.

Xây dựng kế hoạch phân tích càng tỉ mỉ và chi tiết thì hiệu quả phân tích càng cao. Kế hoạch phân tích cần nêu rõ mục tiêu phân tích, nội dung phân tích, phạm vi phân tích, thời gian ấn định trong phân tích, các loại thông tin, tài liệu phân tích cần thu thập, xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phân tích, lựa chọn phương pháp phân tích.

Bên cạnh việc lập kế hoạch phân tích, trong giai đoạn chuẩn bị phân tích, người phân tích cần phải thu thập và kiểm tra các dữ liệu, tài liệu, thông tin dùng cho công tác phân tích. Tùy thuộc vào yêu cầu và mục tiêu của việc phân tích mà tài liệu phân tích có thể là toàn bộ báo cáo tài chính có liên quan, báo cáo kế hoạch, dự toán, định mức... Việc xác định tài liệu phân tích phải phù hợp với mục tiêu phân tích, việc thiếu tài liệu sẽ gây khó khăn để đưa ra các kết luận chính xác và toàn diện. Tuy nhiên việc thu thập quá nhiều cũng sẽ gây ra sự lãng phí về thời gian và chi phí phân tích, vì vậy cần bám vào nội dung phân tích để thu thập tài liệu. Các tài liệu cần phải được kiểm tra tính chính xác, tính hợp pháp; kiểm tra các điều kiện có thể so sánh của các chỉ tiêu phân tích.

Để thu thập thông tin cho mục tiêu phân tích có thể lấy thông tin từ bên ngoài hay trong nội bộ doanh nghiệp cụ thể như sau:

Thông tin từ bên ngoài doanh nghiệp.

Thông tin từ bên ngoài giúp cho doanh nghiệp phần nào lý giải được các nguyên nhân dẫn đến thực trạng tài chính của doanh nghiệp. Các thông tin từ bên ngoài mà doanh nghiệp cần thu thập là thông tin về tình hình của nền kinh tế có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm. Sự suy thoái hoặc tăng trưởng của nền kinh tế có tác động mạnh mẽ đến cơ hội kinh doanh, đến sự biến động của giá cả các yếu tố đầu vào và thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra, từ đó tác động đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Khi các tác động diễn ra theo chiều hướng có lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được mở rộng, lợi nhuận tăng và nhờ đó kết quả kinh doanh trong năm là khả quan. Tuy nhiên, nếu những biến động của tình hình kinh tế là bất lợi, nó sẽ ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy để có được sự đánh giá khách quan và chính xác về tình hình hoạt động của doanh nghiệp chúng ta phải xem xét cả thông tin kinh tế từ bên ngoài có liên quan. Những thông tin về tình hình tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng,... có thể thu thập được từ Tổng cục thống kê.

Ngoài các thông tin trên, doanh nghiệp cần thu thập thông tin về các đối thủ cạnh tranh, doanh nghiệp cùng lĩnh vực hoạt động. Thông tin căn bản nhất về các doanh nghiệp đó là các báo cáo tài chính thường được công bố trên cổng thông tin điện tử của chính doanh nghiệp đó.

Thông tin trong nội bộ doanh nghiệp.

Để đánh giá một cách cơ bản tình hình tài chính của doanh nghiệp, có thể sử dụng thông tin kế toán trong nội bộ doanh nghiệp như là một nguồn thông tin quan trọng bậc nhất. Với những đặc trưng hệ thống, đồng nhất và phong phú, kế toán hoạt động như một nhà cung cấp quan trọng những thông tin đáng giá cho phân tích tài chính.

- Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính mô tả tình trạng tài chính của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định nào đó. Đây là một báo cáo tài chính phản ánh tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định, dưới hình thái tiền tệ theo giá trị tài sản và nguồn hình thành lên tài sản. Xét về bản chất, bảng cân đối kế toán là một bảng cân đối tổng hợp giữa tài sản với vốn chủ sở hữu và công nợ phải trả.

Để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, tài liệu chủ yếu là bảng cân đối kế toán. Thông qua nó cho phép ta nghiên cứu đánh giá một cách tổng quát tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, trình độ sử dụng vốn và những triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Trong bảng cân đối kế toán gồm hai phần là phần tài sản và phần nguồn vốn, trong đó: Tài sản = Nguồn vốn, hay Tài sản = Vốn chủ sở hữu + Nợ phải trả.

* Phần tài sản: Bao gồm có tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

+ Về mặt pháp lý, phần tài sản thể hiện số tiềm lực mà doanh nghiệp có quyền quản lý và sử dụng lâu dài gắn với mục đích thu được các khoản lợi ích trong tương lai.

+ Về mặt kinh tế, các chỉ tiêu của phần tài sản cho phép đánh giá tổng quát về quy mô vốn, cơ cấu vốn và quan hệ giữa năng lực sản xuất và trình độ sử dụng vốn của doanh nghiệp.

* Phần nguồn vốn: Bao gồm công nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, phản ánh các nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp.

+ Về mặt pháp lý, phần nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý về mặt vật chất của doanh nghiệp đối với các đối tượng cấp vốn (Nhà nước, ngân hàng, cổ đông, các bên liên doanh...). Hay nói cách khác thì các chỉ tiêu bên

phần nguồn vốn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp về tổng số vốn đã đăng ký kinh doanh. Về số tài sản hình thành và trách nhiệm phải thanh toán các khoản nợ (với người lao động, với nhà cung cấp, với Nhà nước...).

+ Về mặt kinh tế, phần nguồn vốn thể hiện các nguồn hình thành tài sản hiện có, căn cứ vào đó có thể biết tỷ lệ và kết cấu của từng loại nguồn vốn đồng thời phần nguồn vốn cũng phản ánh được thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Nhìn vào Bảng cân đối kế toán, nhà phân tích có thể nhận biết được loại hình doanh nghiệp, quy mô và mức độ tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Bảng cân đối kế toán là một tài liệu quan trọng bậc nhất giúp cho các nhà phân tích tài chính đánh giá khả năng cân bằng tài chính, khả năng thanh toán, khả năng cân đối vốn của doanh nghiệp.

- Báo cáo kết quả kinh doanh

Một loại thông tin không kém phần quan trọng được sử dụng trong phân tích tài chính là thông tin phản ánh trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Khác với bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh cho biết sự dịch chuyển của vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó cho phép dự tính khả năng hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh đồng thời cũng giúp cho các nhà phân tích so sánh doanh thu và số tiền thực nhập quỹ khi bán hàng hoá, dịch vụ với tổng chi phí phát sinh và số tiền thực xuất quỹ để vận hành doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, có thể xác định được kết quả sản xuất kinh doanh là lãi hay lỗ trong năm. Như vậy, báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh tình hình tài chính của một doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nó cung cấp những thông tin tổng hợp về tình hình và kết quả sử dụng các tiềm năng về vốn, lao động, kỹ thuật, trình độ quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của doanh nghiệp. Do đó, phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng cho ta đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp, biết được trong kỳ doanh nghiệp kinh doanh có lãi hay bị lỗ, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn là bao nhiêu. Từ đó tính được tốc độ tăng trưởng của kỳ này so với kỳ trước, dự đoán tốc độ tăng trong tương lai.

Ngoài ra, qua việc phân tích tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, ta cũng biết được doanh nghiệp có nộp thuế đủ và đúng thời hạn không. Nếu số thuế còn phải nộp lớn chứng tỏ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là không khả quan.

Như vậy, việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp ta có những nhận định sâu sắc và đầy đủ hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một trong bốn báo cáo tài chính bắt buộc mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải lập để cung cấp cho người sử dụng thông tin của doanh nghiệp. Nếu bảng cân đối kế toán cho biết những nguồn lực của cải (tài sản) và nguồn gốc của những tài sản đó; và báo cáo kết quả kinh doanh cho biết thu nhập và chi phí phát sinh để tính được kết quả lãi, lỗ trong một kỳ kinh doanh, thì báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập để trả lời các vấn đề liên quan đến luồng tiền vào ra trong doanh nghiệp, tình hình thu chi ngắn hạn của doanh nghiệp. Những luồng vào ra của tiền và các khoản coi như tiền được tổng hợp thành ba nhóm: Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, được lập để giải thích, bổ sung thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính khác không thể trình bày rõ ràng và chi tiết được.

Thuyết minh báo cáo tài chính trình bày bảy chỉ tiêu nhằm cụ thể hoá các chỉ tiêu mà bảng cân đối kế toán không thể nêu lên hết được bao gồm:

* Chỉ tiêu 1: Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

* Chỉ tiêu 2: Chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

* Chỉ tiêu 3: “Chi tiết một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính” bao gồm: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, tình hình tăng giảm tài sản cố định, tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên, tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu, tình hình tăng giảm các khoản đầu tư vào đơn vị khác, các khoản phải thu và nợ phải trả.

* Chỉ tiêu 4: “Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh”.

* Chỉ tiêu 5: “Phương pháp lập một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp”.

* Chỉ tiêu 6: Đánh giá tổng quát các chỉ tiêu. Đây là phần doanh nghiệp tự đánh giá khái quát tình hình thực hiện các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo của mình cùng những khó khăn, thuận lợi mà doanh nghiệp gặp phải trong kỳ báo cáo.

* Chỉ tiêu 7: Các kiến nghị, doanh nghiệp đề xuất các kiến nghị với các cơ quan hữu quan về các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách... trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

▼ Tiến hành phân tích.

Sau khi lập kế hoạch phân tích và thu thập được những tài liệu cần thiết thì người phân tích sẽ tiến hành phân tích theo trình tự sau:

- Tính toán giá trị của các chỉ tiêu phân tích dựa vào các chỉ tiêu phản ánh đối tượng nghiên cứu đã xác định theo từng nội dung phân tích, từ đó sử dụng các phương pháp phân tích nhằm đánh giá thực trạng và tình hình biến động của đối tượng phân tích.

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến đối tượng phân tích. Kết quả hoạt động của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân khác nhau, những nguyên nhân người phân tích có thể tính toán, lượng hoá được gọi là nhân tố. Khi xác định được nhân tố ảnh hưởng thì người phân tích cần phải vận dụng phương pháp thích hợp để tính toán mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Cuối giai đoạn phân tích, người phân tích phải tổng hợp lại, đưa ra một số chỉ tiêu tổng hợp để đánh giá chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, hoặc phản ánh đúng mục tiêu phân tích đã đề ra trong giai đoạn lập kế hoạch phân tích. Trên cơ sở tổng hợp những kết quả đã phân tích, rút ra những nhận xét, đánh giá những thành tựu, những hạn chế trong hoạt động của doanh nghiệp. Cuối cùng, người phân tích sẽ viết báo cáo phân tích để cung cấp cho các đối tượng quan tâm và hoàn chỉnh hồ sơ phân tích. Báo cáo phân tích là văn bản tổng hợp những đánh giá cơ bản, những tài liệu chọn lọc minh hoạ, rút ra từ quá trình phân tích. Những kiến nghị, đề xuất phải đảm bảo tính rõ ràng, thiết thực và có kèm theo điều kiện thực hiện được các đề xuất đó. Sau khi hoàn thiện báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, người phân tích cũng phải hoàn thiện bộ hồ sơ phân tích để lưu trữ.

c. Thời gian phân tích

Tùy vào mục tiêu phân tích và quy trình phân tích đã lập ra mà thời gian phân tích cho hợp lý có thể là 10 năm, 5 năm hay chỉ là 3 năm.

d. Phạm vi phân tích

Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, công tác phân tích tài chính có thể được bố trí thành một bộ phận riêng biệt đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của ban giám đốc và làm tham mưu cho giám đốc. Theo hình thức này quá trình phân tích thể hiện được toàn bộ nội dung của hoạt động kinh doanh. Nó được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục. Kết quả phân tích sẽ cung cấp thông tin thường xuyên cho ban lãnh đạo doanh nghiệp. Trên cơ sở này các thông tin qua phân tích được truyền từ trên xuống theo loại hình chức năng quản lý và quá trình giám sát, kiểm tra, kiểm soát, điều chỉnh đối với từng bộ phận của doanh nghiệp theo cơ cấu từ ban giám đốc đến các phòng ban trong công ty.

Đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, công tác phân tích tài chính thường được thực hiện bởi những nhân viên kế toán dưới sự kiểm tra, giám sát của kế toán trưởng. Theo hình thức này, nhân viên kế toán tổng hợp là người trực tiếp theo dõi tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận và lập báo cáo tài chính sẽ tiến hành luôn công tác phân tích tài chính. Công tác phân tích tài chính tổ chức theo hình thức này sẽ không được thực hiện thường xuyên mà tiến hành theo năm, quý hoặc bất thường khi cần thiết.

Do vậy phạm vi có thể trong toàn tổng công ty, tập đoàn hay chỉ là trong một chi nhánh sẽ phù hợp mục tiêu ban đầu của cuộc phân tích.

2.2.2. Thực hiện phân tích tài chính doanh nghiệp

2.2.2.1. Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp (Kỹ thuật phân tích).

Có rất nhiều phương pháp và kỹ thuật khác nhau được sử dụng trong phân tích tài chính. Nhưng trong đó có 3 phương pháp phân tích tài chính chủ yếu được sử dụng đó là:

a. Phương pháp so sánh.

Nếu có được sự thống nhất về không gian, thời gian, nội dung, tính chất và đơn vị tính toán của các chỉ tiêu tài chính theo mục đích phân tích thì mới xác định được gốc so sánh. Đây cũng chính là điều kiện để áp dụng phương pháp so sánh. Gốc so sánh được chọn phải là gốc về mặt thời gian hoặc không gian; kỳ phân tích được lựa chọn là kỳ báo cáo hoặc kỳ kế hoạch, giá trị so sánh có thể được lựa chọn bằng số tuyệt đối, số tương đối hoặc số bình quân.

Nội dung so sánh bao gồm:

- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực hiện kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tình hình tài chính doanh nghiệp. Đánh giá sự tăng trưởng hay thụt lùi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- So sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch để thấy mức độ phân đầu của doanh nghiệp.

- So sánh giữa số liệu của doanh nghiệp với số liệu trung bình ngành, số liệu của các doanh nghiệp khác để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp mình so với mặt bằng chung là tốt hay xấu, được hay chưa được.

- So sánh theo chiều dọc để xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu so với tổng thể, so sánh theo chiều ngang của nhiều kỳ để thấy được sự biến đổi cả về số lượng tương đối và tuyệt đối của một chỉ tiêu nào đó qua các niên độ kế toán liên tiếp.

b. Phương pháp tỷ số.

Nguồn thông tin kinh tế và tài chính là cơ sở cho việc đánh giá các tỷ số tài chính của doanh nghiệp. Phương pháp phân tích này cho phép nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ số theo một trình tự nhất định. Lợi thế của phương pháp này

còn ở việc áp dụng công nghệ tin học cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy nhanh quá trình tính toán hàng loạt các tỷ số. Về nguyên tắc, phương pháp phân tích tỷ số yêu cầu phải xác định được các ngưỡng, các định mức, để nhận xét đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở đó so sánh các tỷ số tài chính của doanh nghiệp so với các hệ số tham chiếu.

Trong phân tích tài chính, các tỷ số tài chính thường được phân tích thành bốn nhóm chính: Tỷ số về khả năng thanh toán, tỷ số về khả năng hoạt động, tỷ số về khả năng cân đối vốn, tỷ số về khả năng sinh lời.

Mỗi nhóm tỷ số lại bao gồm nhiều tỷ số và trong từng trường hợp các tỷ số được lựa chọn sẽ phụ thuộc vào bản chất, quy mô của hoạt động phân tích.

Tùy theo từng hoạt động phân tích, người ta sẽ lựa chọn các nhóm chỉ tiêu khác nhau để phục vụ mục tiêu phân tích của mình.

c. Phương pháp Dupont.

Phương pháp Dupont hay còn gọi là phương pháp tách đoạn. Trong phân tích tài chính các nhà phân tích thường sử dụng mô hình Dupont để phân tích mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính. Chính nhờ sự phân tích mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính mà ta có thể phát hiện những nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích theo một trình tự logic chặt chẽ. Bản chất của phương pháp này là tách một tỷ số tổng hợp phản ánh sức sinh lợi của doanh nghiệp như suất sinh lợi trên tổng tài sản ROA, suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu ROE thành tích số của chuỗi các tỷ số có mối quan hệ nhân quả với nhau. Điều đó cho phép phân tích ảnh hưởng của các tỷ số đó với tỷ số tổng hợp.

Theo phương pháp này, trước hết chúng ta xem xét các mối quan hệ tương tác giữa suất sinh lợi của tổng tài sản (ROA) với tỷ suất lợi nhuận ròng và hiệu suất sử dụng tổng tài sản.

$$\begin{aligned} \text{ROA} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}} \\ &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \end{aligned}$$

Qua phân tích trên có thể thấy suất sinh lời của tổng tài sản (ROA) phụ thuộc vào tỷ suất lợi nhuận ròng và hiệu suất sử dụng tổng tài sản. Trên cơ sở đó nhà quản trị đưa ra các giải pháp nhằm tăng tiêu thụ và tiết kiệm chi phí.

Tiếp theo, chúng ta xem xét suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được tạo thành bởi các mối quan hệ giữa tỷ số tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu với tỷ suất lợi nhuận ròng và hiệu suất sử dụng tổng tài sản như thế nào.

$$\begin{aligned} \text{ROE} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \\ &= \text{ROA} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \\ &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \end{aligned}$$

Phân tích tình hình tài chính dựa vào mô hình Dupont có ý nghĩa rất to lớn đối với quản trị tài chính doanh nghiệp. Điều đó không chỉ thể hiện ở việc đánh giá sâu sắc và toàn diện hiệu quả kinh doanh mà còn tìm hiểu một cách đầy đủ và khách quan mối liên hệ giữa các nhân tố. Từ đó nhà phân tích có thể đưa ra các giải pháp tác động trực tiếp vào các nhân tố ảnh hưởng nhằm cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp.

2.2.2.2 Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp.

a. Phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính.

▼ Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn trong doanh nghiệp

Việc phân tích này cho chúng ta thấy được sự thay đổi của tài sản và nguồn vốn, nó cho biết trong kỳ kinh doanh nguồn vốn tăng (giảm) bao nhiêu? tình hình sử dụng vốn như thế nào? những chỉ tiêu nào là chủ yếu ảnh hưởng tới sự tăng giảm nguồn vốn và sử dụng vốn của doanh nghiệp? Từ đó có các giải pháp khai thác các nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp, qua đó doanh nghiệp có thể thấy được điều chỉnh những khoản mục nào thì có thể cải thiện được tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn là xem xét sự thay đổi của các nguồn vốn và cách thức sử dụng vốn của một doanh nghiệp trong một thời kỳ theo số liệu giữa hai thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Trong quá trình phân tích này những người phân tích tài chính cần phải xây dựng bảng kê nguồn vốn và sử dụng vốn. Bảng này giúp cho việc xác định rõ nguồn cung ứng vốn và mục đích sử dụng các nguồn vốn. So sánh sự thay đổi các khoản mục trong một thời kỳ giữa hai thời điểm trong từng chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán.

Quá trình phân tích sẽ diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn cho thấy tăng giảm nguồn vốn trong một thời kỳ, tình hình sử dụng vốn, những chỉ tiêu ảnh hưởng tới sự tăng giảm nguồn vốn. Từ đó cho ta thấy những khoản đầu tư và nguồn vốn chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho những đầu tư đó. Mặt khác, doanh nghiệp cũng sẽ có những giải pháp khai thác các nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

▼ Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh

Để phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, ta có thể sử dụng hai chỉ tiêu là vốn lưu động thường xuyên và nhu cầu vốn lưu động thường xuyên.

Vốn lưu động thường xuyên = Nguồn vốn dài hạn - Tài sản dài hạn

Vốn lưu động thường xuyên = Tài sản ngắn hạn - Nguồn vốn ngắn hạn

- Khi vốn lưu động thường xuyên < 0 (nguồn vốn dài hạn $<$ tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn $<$ nguồn vốn ngắn hạn). Điều này cho thấy nguồn vốn dài hạn không đủ đầu tư cho tài sản dài hạn. Doanh nghiệp phải đầu tư vào tài sản dài hạn từ một phần nguồn vốn ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn không đáp ứng đủ nhu cầu thanh toán nợ ngắn hạn đến hạn trả. Cán cân thanh toán của doanh nghiệp mất thăng bằng. Khi đó giải pháp của doanh nghiệp là tăng cường huy động vốn ngắn hạn hoặc giảm quy mô đầu tư dài hạn hoặc thực hiện đồng thời hai giải pháp đó.

- Khi vốn lưu động thường xuyên > 0 , nghĩa là nguồn vốn dài hạn dư thừa sau khi đầu tư vào tài sản dài hạn. Khi đó khả năng thanh toán của doanh nghiệp tốt, tài sản ngắn hạn đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, tình hình tài chính là lành mạnh.

- Khi vốn lưu động thường xuyên $= 0$, nghĩa là nguồn vốn dài hạn vừa đủ để thanh toán cho tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn đủ để doanh nghiệp trả các khoản nợ ngắn hạn.

Vốn lưu động thường xuyên là một chỉ tiêu rất quan trọng. Chỉ tiêu này cho biết hai điều:

- Doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn hay không?

- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp có được tài trợ một cách vững chắc bằng nguồn vốn dài hạn hay không?

Ngoài ra nhằm mục đích nghiên cứu tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh người ta còn sử dụng chỉ tiêu nhu cầu vốn lưu động thường xuyên. Nhu cầu vốn lưu động thường xuyên là lượng vốn ngắn hạn doanh nghiệp cần để tài trợ cho một phần tài sản lưu động, đó là hàng tồn kho và các khoản phải thu.

$$\text{Nhu cầu vốn lưu động thường xuyên} = \text{Tồn kho và các khoản phải thu} - \text{Nợ ngắn hạn}$$

- Nếu nhu cầu của vốn lưu động > 0 tức là tồn kho và các khoản phải thu lớn hơn nợ ngắn hạn. Việc sử dụng ngắn hạn của doanh nghiệp lớn hơn các nguồn vốn ngắn hạn mà doanh nghiệp có được từ bên ngoài, doanh nghiệp phải dùng nguồn vốn dài hạn để tài trợ vào phần chênh lệch. Giải pháp trong trường hợp này là: Doanh nghiệp phải nhanh chóng giải phóng hàng tồn kho và giảm các khoản phải thu ở khách hàng.

- Nếu nhu cầu vốn lưu động thường xuyên < 0 thì các nguồn vốn ngắn hạn từ bên ngoài đã dư thừa để tài trợ các sử dụng ngắn hạn của doanh nghiệp. Doanh nghiệp không cần nhận vốn ngắn hạn để tài trợ cho chu kỳ kinh doanh.

✓ Phân tích kết cấu tài sản và nguồn vốn trong bảng cân đối kế toán.

Mục đích của phân tích này là xem tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp có được phân bố hợp lý hay không? Tài sản cố định có được tài trợ một cách vững chắc bằng nguồn vốn dài hạn hay không?...

Để thực hiện quá trình này dựa vào bảng cân đối kế toán sẽ cho thấy một bảng phân tích kết cấu nguồn vốn và tài sản như sau :

Biểu 2.1: Phân tích kết cấu tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	Đầu kỳ (đầu năm)		Cuối kỳ (cuối năm)		Cuối kỳ so với đầu kỳ	
	Lượng	Tỷ trọng	Lượng	Tỷ trọng	Lượng	Tỷ trọng
I. Tài sản						
II. Nguồn vốn						

Ngoài việc so sánh cuối thời điểm với đầu thời điểm trong một thời kỳ về lượng và tỷ trọng, ta còn phải so sánh đánh giá tỷ trọng từng loại tài sản và nguồn vốn chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng. Từ đó đánh giá được tình trạng đó là tốt hay chưa tốt.

- ▼ Phân tích khái quát các chỉ tiêu tài chính trung gian và cuối cùng trong bảng báo cáo kết quả kinh doanh.

Mục tiêu của phương pháp này là xác định, phân tích mối liên hệ và đặc điểm các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả kinh doanh, đồng thời so sánh chúng qua một số niên độ kế toán liên tiếp kết hợp với số liệu trung bình ngành (nếu có) để đánh giá xu hướng thay đổi từng chỉ tiêu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp so với doanh nghiệp khác. Các chỉ tiêu đã được chuẩn hoá trong mẫu bảng phân tích kết quả kinh doanh như sau:

Biểu 2.2: Phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu	Năm N-1		Năm N		Năm N so với năm N-1	
	Lượng	Tỷ trọng	Lượng	Tỷ trọng	Lượng	Tỷ trọng
1. Doanh thu thuần						
2. Giá vốn hàng bán						
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ						
4. Chi phí						
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.						
6. Lợi nhuận trước thuế						
7. Lợi nhuận sau thuế.						

b. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các nhóm tỷ số.

▼ Phân tích khả năng thanh toán.

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp phản ánh mối quan hệ tài chính giữa các khoản có khả năng thanh toán trong kỳ với các khoản phải thanh toán trong kỳ, nó cho biết mức độ các khoản nợ của các chủ nợ ngắn hạn được trang trải bằng các tài sản có thể chuyển thành tiền trong mỗi giai đoạn tương đương với thời hạn của các khoản nợ đó.

- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: Phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp.

$$\frac{\text{Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn}}{\text{ngắn hạn}} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Trị số của hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn ≥ 1 cho thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp là bình thường hoặc khả quan. Tuy nhiên trên thực tế, nếu không gặp áp lực phá sản sẽ không có doanh nghiệp nào bán toàn bộ tài sản ngắn của mình để thanh toán nợ ngắn hạn, vì điều này sẽ gây khó khăn và gián đoạn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy để đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn thì trị số của chỉ tiêu này phải ≥ 2 .

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: Chỉ tiêu này phản ánh giá trị còn lại của tài sản ngắn hạn sau khi trừ giá trị hàng tồn kho doanh nghiệp có đủ khả năng trang trải các khoản nợ ngắn hạn hay không.

$$\frac{\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh}}{\text{nhanh}} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Trong toàn bộ tài sản ngắn hạn của một doanh nghiệp thì hàng tồn kho là khoản mục có tính thanh khoản thấp nhất, vì thế việc loại trừ giá trị hàng tồn kho sẽ phản ánh chính xác hơn khả năng thanh toán các khoản nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp.

Khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp chỉ phản ánh mức độ thanh toán nhanh hơn mức bình thường mà chưa đủ để khẳng định doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn hay không. Vì vậy các nhà phân tích phải xem xét khả năng thanh toán bằng tiền của doanh nghiệp.

- Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền: Hệ số này cho biết với số tiền và tương đương tiền hiện có, doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ hay không. Chỉ tiêu này được xác định theo công thức:

$$\frac{\text{Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền}}{\text{Tiền và tương đương tiền}} = \frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Do tính chất của tiền và tương đương tiền nên khi xác định khả năng thanh toán bằng tiền, các nhà phân tích các khoản nợ có thời hạn trong 3 tháng. Nếu trị số của chỉ tiêu này ≥ 1 doanh nghiệp đảm bảo và thừa khả năng thanh toán tức thời, nếu trị số của chỉ tiêu < 1 doanh nghiệp không đảm bảo khả năng thanh toán tức thời. Trong ngắn hạn thì hệ số khả năng thanh toán tức thời có giá trị cảnh báo khá cao, nếu doanh nghiệp không đủ khả năng thanh toán tức thời, các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ phải áp dụng ngay các biện pháp tài chính khẩn cấp để tránh cho doanh nghiệp rơi vào tình trạng phá sản.

▼ Phân tích khả năng cân đối vốn.

Nhóm tỷ số này phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính cũng như khả năng sử dụng nợ vay của doanh nghiệp.

- Hệ số nợ: Chỉ tiêu này dùng để đo lường số vốn vay của doanh nghiệp so với tổng số vốn, nó cho biết 1 đồng vốn được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng nợ. Công thức tính như sau:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ số này cho biết có bao nhiêu phần trăm tài sản của doanh nghiệp là từ đi vay. Qua đây biết được khả năng tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Tỷ số này mà quá nhỏ, chứng tỏ doanh nghiệp vay ít. Điều này có thể hàm ý doanh nghiệp có khả năng tự chủ tài chính cao. Song nó cũng có thể hàm ý là doanh nghiệp chưa biết khai thác đòn bẩy tài chính, tức là chưa biết cách huy động vốn bằng hình thức đi vay. Ngược lại, tỷ số này mà cao quá hàm ý

doanh nghiệp không có thực lực tài chính mà chủ yếu đi vay để có vốn kinh doanh. Điều này cũng hàm ý là mức độ rủi ro của doanh nghiệp cao hơn.

- Hệ số tự tài trợ: Chỉ tiêu này cho biết trong tổng tài sản của doanh nghiệp thì có bao nhiêu % được tài trợ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công thức tính như sau:

$$\text{Hệ số tự tài trợ} = \frac{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Hệ số này trái ngược lại với hệ số nợ, nếu hệ số tự tài trợ càng cao thì doanh nghiệp càng có khả năng tự chủ về tài chính, nhưng lại chưa tận dụng được những lợi thế từ đòn bẩy tài chính.

- Hệ số đòn bẩy tài chính:

$$\text{Hệ số đòn bẩy tài chính} = \frac{\text{Tổng nguồn vốn}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$$

Hệ số này cho thấy số lần mà nguồn vốn của doanh nghiệp được bẩy lên khi sử dụng nợ. Một doanh nghiệp có tỷ số này cao hàm ý một sự sử dụng nợ là chủ yếu và hạn chế sử dụng vốn chủ sở hữu. Nhìn chung các doanh nghiệp vẫn ưa thích sử dụng nợ hơn vì được tiết kiệm thuế, vì vậy tổng số nợ trong cơ cấu vốn của một doanh nghiệp càng cao thì sự ổn định của thu nhập thuần túy càng lớn. Tuy nhiên doanh nghiệp cần cân nhắc để cơ cấu vốn ở một trạng thái nhất định sao cho vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh vừa kiểm soát được rủi ro và khả năng thanh toán.

▼ Phân tích khả năng hoạt động.

Các chỉ tiêu này được thiết lập dựa trên doanh thu và nhằm mục đích xác định tốc độ quay của một số đại lượng cần thiết cho quản lý tài chính

ngắn hạn. Các tỷ số này cho ta những thông tin hữu ích để đánh giá mức độ cân bằng tài chính và khả năng hoạt động của doanh nghiệp.

- Vòng quay khoản phải thu: Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ biến đổi các khoản phải thu thành tiền mặt. Tỷ số này là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, được tính bằng cách lấy doanh thu thuần trong kỳ chia cho số dư bình quân các khoản phải thu trong kỳ.

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Bình quân các khoản phải thu}}$$

Khoản tiền phải thu từ khách hàng là số tiền mà khách hàng hiện tại vẫn còn chiếm dụng của doanh nghiệp. Chỉ đến khi khách hàng thanh toán bằng tiền cho khoản phải thu này thì coi như lượng vốn mà doanh nghiệp bị khách hàng chiếm dụng mới không còn nữa. Việc chiếm dụng vốn này thoát nhìn không mấy quan trọng, vì theo logic thông thường, khách hàng nợ rồi khách hàng cũng sẽ phải trả cho doanh nghiệp, không trả lúc này thì trả lúc khác, cuối cùng thì tiền vẫn thuộc về doanh nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề sẽ trở nên nghiêm trọng nếu khách hàng chiếm dụng ngày càng cao, trong khi đó do yêu cầu của thị trường, doanh nghiệp cần tăng lượng hàng sản xuất, điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng mua nguyên vật liệu, kéo theo yêu cầu phải có lượng tiền nhiều hơn, trong khi thời điểm đó lượng tiền của doanh nghiệp không đủ và đáng ra nếu khách hàng thanh toán những khoản nợ với doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ có đủ số tiền cần thiết để mua đủ số lượng nguyên vật liệu theo yêu cầu. Do đó, trong trường hợp này, doanh nghiệp phải đi vay ngân hàng để bổ sung vào lượng tiền hiện có hoặc chỉ sản xuất với số lượng tương ứng với số lượng nguyên vật liệu được mua vào từ số tiền hiện có của

doanh nghiệp, điều này đương nhiên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nói chung, tỷ số vòng quay các khoản phải thu càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của doanh nghiệp càng nhanh, khả năng chuyển đổi các khoản nợ phải thu sang tiền mặt cao, điều này giúp cho doanh nghiệp nâng cao luồng tiền mặt, tạo ra sự chủ động trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất. Ngược lại, nếu tỷ số này càng thấp thì số tiền của doanh nghiệp bị chiếm dụng ngày càng nhiều, lượng tiền mặt sẽ ngày càng giảm, làm giảm sự chủ động của doanh nghiệp trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất và có thể doanh nghiệp sẽ phải đi vay ngân hàng để tài trợ thêm cho nguồn vốn lưu động này.

- Kỳ thu tiền bình quân: Tỷ số này cho biết doanh nghiệp mất bình quân là bao nhiêu ngày để thu hồi các khoản phải thu của mình.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

Ngược lại với tỷ số vòng quay các khoản phải thu, chỉ số kỳ thu tiền bình quân càng nhỏ thì tốc độ thu hồi công nợ phải thu của doanh nghiệp càng nhanh.

- Vòng quay hàng tồn kho: Tỷ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho. Vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ.

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Bình quân hàng tồn kho}}$$

Nếu tỷ số vòng quay hàng tồn kho lớn cho thấy tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho là nhanh và ngược lại, nếu tỷ số này nhỏ thì tốc độ quay

vòng hàng tồn kho thấp. Cần lưu ý, hàng tồn kho mang đậm tính chất ngành nghề kinh doanh nên không phải cứ mức tồn kho thấp là tốt, mức tồn kho cao là xấu. Tỷ số vòng quay hàng tồn kho càng cao càng cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Có nghĩa là doanh nghiệp sẽ ít rủi ro hơn nếu khoản mục hàng tồn kho trong báo cáo tài chính có giá trị giảm qua các năm. Tuy nhiên, tỷ số này quá cao cũng không tốt, vì như vậy có nghĩa là lượng hàng dự trữ trong kho không nhiều, nếu nhu cầu thị trường tăng đột ngột thì rất có khả năng doanh nghiệp bị mất khách hàng và bị đối thủ cạnh tranh giành thị phần. Hơn nữa, dự trữ nguyên liệu vật liệu đầu vào cho các khâu sản xuất không đủ có thể khiến dây chuyền sản xuất bị ngưng trệ. Vì vậy, tỷ số vòng quay hàng tồn kho cần phải đủ lớn để đảm bảo mức độ sản xuất và đáp ứng được nhu cầu khách hàng.

- Số ngày tồn kho bình quân: Là số ngày của một vòng quay hàng tồn kho của một doanh nghiệp.

$$\text{Số ngày tồn kho bình quân} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$$

Số ngày tồn kho lớn là một dấu hiệu của việc doanh nghiệp đầu tư quá nhiều cho hàng tồn kho, số ngày tồn kho càng lớn thì hiệu quả kinh doanh càng thấp và ngược lại.

- Vòng quay khoản phải trả: Tỷ số vòng quay các khoản phải trả phản ánh khả năng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp đối với nhà cung cấp. Tỷ số vòng quay các khoản phải trả quá thấp có thể ảnh hưởng không tốt đến xếp hạng tín dụng của doanh nghiệp.

$$\text{Vòng quay khoản phải trả} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Bình quân các khoản phải trả}}$$

Tỷ số vòng quay các khoản phải trả năm nay nhỏ hơn năm trước chứng tỏ doanh nghiệp chiếm dụng vốn tốt hơn và thanh toán chậm hơn năm trước. Ngược lại, nếu tỷ số vòng quay các khoản phải trả năm nay lớn hơn năm trước chứng tỏ doanh nghiệp chiếm dụng vốn kém hơn và thanh toán nhanh hơn năm trước. Nếu tỷ số vòng quay các khoản phải trả quá nhỏ (các khoản phải trả lớn), sẽ tiềm ẩn rủi ro về khả năng thanh khoản. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý việc chiếm dụng khoản vốn này có thể sẽ giúp doanh nghiệp giảm được chi phí về vốn, đồng thời thể hiện uy tín về quan hệ thanh toán đối với nhà cung cấp và chất lượng sản phẩm đối với khách hàng.

- Số ngày phải trả bình quân:

$$\text{Số ngày phải trả bình quân} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay khoản phải trả}}$$

Số ngày phải trả bình quân thể hiện số ngày trung bình mà doanh nghiệp cần để trả tiền cho người bán. Tỷ số này thể hiện mối quan hệ giữa doanh nghiệp và người bán. Số ngày phải trả bình quân có cao nghĩa là doanh nghiệp có quan hệ tốt với nhà cung cấp và có khả năng kéo giãn thời gian trả tiền cho người bán, ngược lại tỷ số trên thấp nghĩa là doanh nghiệp phải trả tiền cho người bán trong thời gian ngắn sau khi nhận hàng.

- Khả năng thanh toán lãi vay: Tỷ số này cho biết một doanh nghiệp có khả năng đáp ứng được nghĩa vụ trả nợ lãi của nó đến mức nào từ lợi nhuận thu được trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ càng cao thì khả năng thanh toán lãi vay của công ty cho các chủ nợ của mình càng lớn. Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay thấp cho thấy một tình trạng nguy hiểm, suy giảm trong hoạt động kinh tế có thể làm giảm lợi nhuận trước

thuế và lãi vay (EBIT) xuống dưới mức nợ lãi mà doanh nghiệp phải trả, do đó dẫn tới mất khả năng thanh toán và vỡ nợ.

$$\text{Khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{EBIT}{Lãi vay}$$

Tỷ số trên nếu lớn hơn 1 thì doanh nghiệp hoàn toàn có khả năng trả lãi vay. Nếu nhỏ hơn 1 thì chứng tỏ hoặc doanh nghiệp đã vay quá nhiều so với khả năng của mình, hoặc doanh nghiệp kinh doanh kém đến mức lợi nhuận thu được không đủ trả lãi vay.

▼ Phân tích khả năng sinh lời.

Lợi nhuận là mục tiêu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận càng cao doanh nghiệp càng tự khẳng định vị trí và sự tồn tại của mình trên thương trường. Nhưng nếu chỉ thông qua điều đó thì không thể đánh giá được chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là tốt hay xấu mà nó còn phải xem xét trong mối quan hệ với chi phí và tài sản doanh nghiệp đã sử dụng, vì vậy các nhà phân tích thường bổ sung thêm những chỉ tiêu tương đối để đánh giá về mức doanh lợi của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản: Tỷ số này cho biết một đồng tài sản tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần trong kỳ.

$$\text{Hiệu suất sử dụng tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định: Tỷ số này cho biết một đồng tài sản cố định tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần trong kỳ.

$$\frac{\text{Hiệu suất sử dụng tài sản cố định}}{\text{Doanh thu thuần}} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

- Hiệu suất sử dụng trên vòng quay vốn lưu động: Tỷ số này cho biết một đồng vốn lưu động tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần trong kỳ.

$$\frac{\text{Hiệu suất sử dụng trên vòng quay vốn lưu động}}{\text{Doanh thu thuần}} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận gộp: Tỷ số này cho biết một đồng doanh thu thuần tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận gộp trong kỳ.

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận gộp}}{\text{Lợi nhuận gộp}} = \frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận ròng: Tỷ số này cho biết một đồng doanh thu thuần tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng trong kỳ.

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận ròng}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA): Tỷ số này cho biết một đồng tài sản tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng trong kỳ.

$$\text{ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

- Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): Tỷ số này cho biết một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng trong kỳ.

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Tóm lại, trên đây là bốn nhóm tỷ số tài chính cơ bản, khái quát toàn bộ tình hình tài chính của doanh nghiệp. Nếu với ngành nào đã có hệ số trung bình ngành ta sẽ dễ dàng nhận biết được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có triển vọng hay kém hiệu quả. Nhưng thực trạng ở nước ta hiện nay chưa xây dựng được một hệ thống các chỉ tiêu tham chiếu nên ta sẽ nhìn vào hoạt động của doanh nghiệp trong một chuỗi thời gian liên tục để biết được quá trình phát triển của doanh nghiệp. Từ đó tìm ra nguyên nhân xác thực nhất, giải pháp hữu hiệu nhất cho doanh nghiệp thông qua đánh giá, nhận xét (chủ yếu thông qua so sánh giữa các năm với nhau). Để đạt tới sự lành mạnh trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp, rất cần phải xây dựng một hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành để doanh nghiệp có thể so sánh các chỉ tiêu của doanh nghiệp mình với các chỉ tiêu của doanh nghiệp cùng ngành. Khi đó doanh nghiệp sẽ biết mình đang ở đâu và có mục tiêu phấn đấu rõ ràng.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác phân tích tài chính doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện công tác phân tích tài chính doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều nhân tố, có thể khái quát lại qua các nhân tố chủ quan và khách quan sau:

2.2.3.1. Các nhân tố chủ quan

Nhân tố thứ nhất ảnh hưởng tới công tác phân tích tài chính là nhân tố con người. Trước hết, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thực hiện phân tích tài chính doanh nghiệp ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả của công tác phân tích tài chính. Cán bộ phân tích được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ thì phương pháp, nội dung phân tích sẽ đầy đủ, khoa học, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra. Sau đó, lãnh đạo doanh nghiệp cũng phải quan tâm, đánh giá được tầm quan trọng của công tác tài chính, từ đó mới có sự đầu tư thoả đáng cũng như sự vận dụng triệt để kết quả của phân tích tài chính trong

quá trình điều hành doanh nghiệp. Việc hoàn thiện công tác tài chính cũng chịu ảnh hưởng bởi tâm lý người sử dụng thông tin. Đó không chỉ là đội ngũ lãnh đạo mà còn có các nhà đầu tư, các nhà cho vay... Khi các đối tượng này đặc biệt quan tâm tới công tác phân tích tài chính cũng kích thích sự phát triển và hoàn thiện của công tác này.

Nhân tố ảnh hưởng thứ hai chính là kỹ thuật, công nghệ. Nếu ứng dụng tốt kỹ thuật, công nghệ vào quá trình phân tích tài chính sẽ đem lại kết quả chính xác, khoa học, tiết kiệm được thời gian, công sức (ví dụ ứng dụng các phần mềm phân tích tài chính, tra cứu thông tin qua internet, liên kết thông tin giữa các phòng ban thông qua hệ thống mạng...). Việc ứng dụng này không những đảm bảo tính chính xác, khoa học, tiết kiệm mà còn đảm bảo tính toàn diện, phong phú, phù hợp với xu hướng phát triển của công tác phân tích tài chính.

Nhân tố thứ ba là công tác kế toán, kiểm toán, thống kê. Công tác kế toán, thống kê mang lại những số liệu, thông tin thiết yếu nhất phục vụ cho quá trình phân tích tài chính (các báo cáo tài chính, chính sách kế toán, các số liệu liên quan về kế hoạch sản xuất kinh doanh...). Bên cạnh đó, công tác kiểm toán sẽ đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các thông tin trên để việc phân tích tài chính trở nên chính xác, khách quan, tránh định hướng sai lệch cho công tác quản lý tài chính doanh nghiệp. Vì vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán, kiểm toán thống kê cũng là nhân tố ảnh hưởng không nhỏ tới công tác phân tích tài chính.

2.2.3.2. Các nhân tố khách quan

Nhân tố thứ nhất trong các nhân tố khách quan chính là hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan tới tài chính doanh nghiệp. Đó là các chính sách về thuế, về kế toán, thống kê... ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động tài chính doanh nghiệp. Với tư cách là đối tượng

chịu sự quản lý của nhà nước, trong hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động tài chính nói riêng, các doanh nghiệp đều phải có nghĩa vụ tuân thủ chính sách, pháp luật. Các chính sách này được các nhà phân tích tài chính vận dụng trong quá trình phân tích để đảm bảo tính phù hợp, tính sát thực của công tác phân tích với pháp luật của nhà nước. Ngoài ra, các chính sách đó còn có tính định hướng và là động lực cho công tác phân tích tài chính doanh nghiệp.

Nhân tố khách quan thứ hai là hệ thống thông tin của nền kinh tế và của ngành. Công tác phân tích tài chính chỉ thực sự có hiệu quả khi có hệ thống chỉ tiêu trung bình chuẩn của toàn ngành, trên cơ sở đó các doanh nghiệp có thể đánh giá, xem xét tình trạng tài chính để nhận thức vị trí của mình nhằm đưa ra những chính sách đúng đắn, phù hợp, cũng như có hướng phấn đấu, khắc phục. Hay nói cách khác, đây có thể được xem như số liệu tham chiếu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều này cũng phụ thuộc vào tính trung thực của các thông tin. Nếu thông tin do các doanh nghiệp trong ngành mang lại không chính xác có thể còn có tác dụng ngược lại. Vì vậy, trách nhiệm của cơ quan thống kê cũng như các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin cũng ảnh hưởng không nhỏ.

Phân tích tài chính có ý nghĩa quan trọng với nhiều đối tượng khác nhau, ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư, tài trợ. Tuy nhiên, phân tích tài chính chỉ thực sự phát huy tác dụng khi nó phản ánh một cách trung thực tình trạng tài chính doanh nghiệp, vị thế của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Muốn vậy, thông tin sử dụng trong phân tích phải chính xác, có độ tin cậy cao, cán bộ phân tích có trình độ chuyên môn giỏi. Ngoài ra, sự tồn tại của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng phân tích tài chính.

2.2.4. Kết thúc phân tích

Giai đoạn kết thúc: Giai đoạn này cần viết báo cáo phân tích và hoàn chỉnh hồ sơ phân tích.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH ĐTPT HẠ TẦNG – TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG LŨNG LÔ

3.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

3.1.1 Lịch sử hình thành

Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô là doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng thuộc Bộ Quốc Phòng

- Thành lập tháng 11 năm 1989 với tên giao dịch ban đầu: Công ty khảo sát thiết kế xây dựng Lũng Lô. Tháng 8 năm 1993, Bộ Quốc phòng có quyết định số 577/QĐ-BQP về việc đổi tên thành Công ty Xây dựng Lũng Lô.

- Ngày 17 tháng 4 năm 1996, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 466/QĐ-QP về việc thành lập Công ty Xây dựng Lũng Lô trên cơ sở sáp nhập 3 doanh nghiệp: Công ty Xây dựng Lũng Lô, Công ty xây dựng 25-3 và Xí nghiệp Khảo sát thiết kế & Tư vấn xây dựng.

- Ngày 08 tháng 01 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 45/QĐ-BQP về việc chuyển Công ty Xây dựng Lũng Lô thành Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Lũng Lô hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con.

- Ngày 02 tháng 12 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 4698/QĐ-BQP về việc điều chuyển nguyên trạng TNHH một thành viên Xây dựng Lũng Lô hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con thuộc Bộ tư lệnh Công binh về trực thuộc Bộ Quốc phòng.

- Ngày 12 tháng 01 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 99/QĐ-BQP về việc tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên Xây

dựng Lũng Lô thành Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con.

3.1.2 Ngành nghề kinh doanh

1. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình ngầm, sân bay, cảng sông, cảng biển;
2. Khai thác quặng bô xít;
3. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
 - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
 - Thiết kế công trình cầu đường bộ;
 - Thiết kế quy hoạch xây dựng;
 - Thiết kế kiến trúc công trình;
 - Khảo sát trắc địa công trình;
 - Khảo sát địa chất công trình;
 - Khảo sát thủy văn công trình;
 - Khảo sát trắc địa công trình mỏ, công trình ngầm;
 - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
 - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
 - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
 - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cảng, đường thủy, dân dụng và công nghiệp.
4. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
5. Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
6. Khai thác quặng sắt;
7. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
8. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

9. Cho thuê máy móc, thiết bị và các đồ dùng hữu hình khác:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;

10. Sản xuất, buôn bán bê tông nhựa nóng;

11. Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng;

12. Khảo sát, dò tìm xử lý bom mìn vật nổ (theo giấy phép số 1262/QĐ-BQP ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

13. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn đấu giá bất động sản và quyền sử dụng đất;

14. Kinh doanh bất động sản

- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;

- Đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để cho thuê;

- Cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại.

15. Xây dựng công trình viễn thông, đường truyền cáp quang;

16. Phá dỡ, san lấp và chuẩn bị mặt bằng;

17. Lắp đặt hệ thống điện, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;

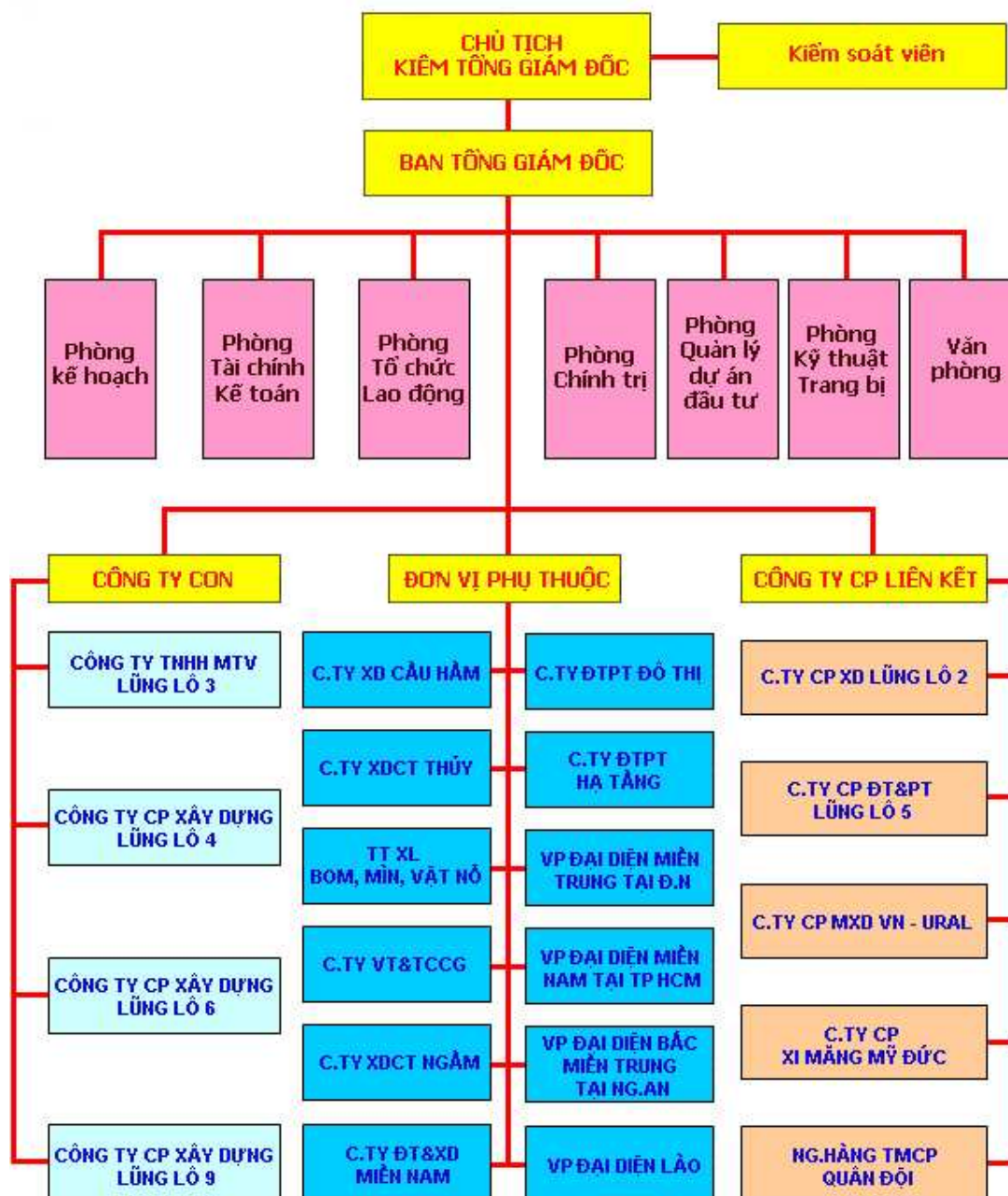
18. Duy tu, tôn tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình bảo tồn, bảo tàng và di tích lịch sử;

19. Kinh doanh xăng dầu.

3.1.3 Sơ đồ tổ chức



**MÔ HÌNH TỔ CHỨC BIÊN CHẾ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG LŨNG LÔ THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON**



Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô là đơn vị phụ thuộc Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Địa chỉ: Số 162 đường Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0100779189-002

Điện thoại: 0438.681.681

Fax: 0435.720.981

Email: dtptht.lcc@gmail.com

3.2 Thực trạng tổ chức hoạt động tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.

3.2.1 Lập kế hoạch phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

3.2.1.1 Mục tiêu phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Định hướng phát triển trong giai đoạn 2016-2020

- ▼ Mục tiêu chiến lược về ngành nghề kinh doanh
 - Mở rộng các hoạt động xây lắp;
 - Đầu tư trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho các hoạt động xây lắp;
 - Tiếp tục duy trì những hạng mục là thế mạnh: rà phá bom mìn....
 - Kinh doanh khác.
- ▼ Các mục tiêu kinh tế giai đoạn 2016 – 2020.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, xét đến năng lực và các nguồn lực hiện có, Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô phấn đấu giá trị sản xuất kinh doanh đảm bảo tốc độ phát triển bình quân 5% - 10%/năm. Dự kiến một số chỉ tiêu chính giai đoạn 05 năm (2016-2020) cụ thể như sau:

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh : 3.050 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu : 2.820 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 28 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2020 : 230 tỷ đồng.
- Tổng tài sản đến 31/12/2020 : 720 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư : 250 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân CBCNV/tháng: 7,0 triệu đồng
- *Cơ cấu ngành nghề như sau:*
 - Giá trị kinh doanh xây lắp: 65% tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
 - Giá trị bom mìn: 25% tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
 - Kinh doanh khác: 10% tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

Để đạt được mục tiêu dài hạn đã đề ra thì Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô phải có kế hoạch phân tích để đạt tăng trưởng doanh thu 5%-10%/ năm và thu nhập bình quân đầu người là 7 triệu đồng.

Qua tìm hiểu thực tế, việc tổ chức phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong 3 năm 2013, 2014, 2015 được thực hiện bởi các nhân viên kế toán bộ phận và dưới sự theo dõi của kế toán trưởng.

3.2.1.2 Quy trình phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Thu thập các số liệu, dữ liệu phục vụ phân tích; tính toán, xử lý dữ liệu; tổng hợp thông tin phân tích. Trước tiên nhân viên phân tích sẽ thu thập dữ liệu. Nguồn dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô chủ

yếu lấy từ các báo cáo tài chính đã qua kiểm toán. Ngoài ra Chi nhánh còn sử dụng thêm dữ liệu lấy từ kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư, mệnh lệnh nhiệm vụ của Ban giám đốc Tổng công ty...

Nguồn thông tin sử dụng cho việc phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong 3 năm 2013, 2014, 2015 được thu thập chủ yếu từ hệ thống thông tin kế toán, đây là nguồn dữ liệu rất quan trọng trong phân tích tài chính nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài sản nguồn vốn, tình hình công nợ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh,... Tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, nguồn số liệu dùng để phân tích chủ yếu được lấy từ các báo cáo tài chính đã qua kiểm toán của Chi nhánh.

Các báo cáo tài chính của Chi nhánh được lập định kỳ theo hàng quý và hàng năm, được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng. Hiện nay, Chi nhánh lập các báo cáo tài chính theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp, hiện nay theo Thông tư 200/2014/BTC của Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó báo cáo tài chính của Chi nhánh bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Những số liệu trên báo cáo tài chính sẽ là cơ sở ban đầu để nhân viên phân tích đánh giá được thực trạng tình hình tài chính của Chi nhánh sau khi đã tiến hành xử lý các dữ liệu này.

Ngoài ra còn sử dụng nguồn dữ liệu từ các nguồn khác như: Kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm; các dự án đầu tư,... đây là những nguồn dữ liệu nhằm đánh giá định hướng chiến lược kinh doanh trong tương lai của Chi nhánh, kết hợp với nguồn số liệu từ báo cáo tài chính của Chi nhánh để thấy được khả năng đáp ứng các nguồn lực cho việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu đã đề ra.

Sau khi thu thập đủ dữ liệu cần thiết, nhân viên phân tích sẽ tiến hành xử lý dữ liệu thu thập được. Trong khi xử lý dữ liệu, nhân viên phân tích thường sử dụng sự trợ giúp của phần mềm Excel để lập các bảng biểu, tính toán các chỉ tiêu nhằm phân tích tình hình tài chính của Chi nhánh. Trên cơ sở kết quả tính toán, nhân viên phân tích tiến hành tổng hợp, liên hệ các nhân tố tác động và mức độ tác động của các nhân tố này sắp xếp các nhân tố tác động theo nhóm để đưa ra kết luận phân tích phù hợp.

Kết thúc quá trình phân tích, nhân viên phân tích viết báo cáo phân tích trình bày những kết quả thu được. Việc viết báo cáo phân tích thường dưới sự theo dõi, giám sát, chỉnh sửa của kế toán trưởng nhằm đưa ra được những thông tin sát thực nhất về tình hình tài chính của Chi nhánh. Báo cáo phân tích tài chính sẽ là cơ sở cho các nhà quản lý có những ứng phó kịp thời.

3.2.1.3 Thời gian phân tích và phạm vi phân tích

Tiến hành phân tích trong giai đoạn từ năm 2013-2015, là những năm tài chính gần nhất với định hướng phát triển của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.

Phạm vi: tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.

3.2.2 Thực hiện phân tích tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Từ đó có thể thấy nguồn thông tin mà Chi nhánh sử dụng chủ yếu lấy trong nội bộ Chi nhánh. Chi nhánh chưa thu thập và sử dụng thông tin từ bên ngoài, đây là một trong những thiếu sót trong công tác phân tích tài chính của Chi nhánh. Bởi lẽ những thông tin về nền kinh tế vĩ mô có thể giúp lý giải được một phần nguyên nhân dẫn đến thực trạng tài chính của Chi nhánh, chẳng hạn khi Chính phủ thực hiện các biện pháp thắt chặt tiền tệ có thể làm

cho việc huy động vốn của Chi nhánh khó khăn hơn, chi phí lãi vay cao hơn. Mặt khác, việc khảo sát, thu thập, tính toán các chỉ tiêu tài chính từ các doanh nghiệp cùng ngành, cùng lĩnh vực hoạt động có thể giúp Chi nhánh có được các đối tượng so sánh, từ đó biết được thực trạng tài chính so với các doanh nghiệp khác và vị thế của mình trong thị trường.

3.2.2.1 Phương pháp phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.

Phương pháp phân tích tài chính được sử dụng tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong 3 năm 2013, 2014, 2015 gồm hai phương pháp là phương pháp so sánh và phương pháp tỷ số. Trong đó phương pháp so sánh được sử dụng để phân tích cơ cấu và biến động tài sản - nguồn vốn tại bảng cân đối kế toán, phương pháp tỷ số được sử dụng kết hợp với phương pháp so sánh để phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh. Việc sử dụng các phương pháp phân tích trên của Chi nhánh nhìn chung đã mang lại những hiệu quả nhất định là giúp việc phân tích trở nên đơn giản và dễ hiểu, phù hợp với mọi đối tượng sử dụng thông tin. Phương pháp tỷ số được Chi nhánh sử dụng đã đưa ra được một số chỉ tiêu tài chính cần thiết giúp các nhà quản lý cơ bản nắm được tình hình tài chính. Việc sử dụng phương pháp so sánh cũng có sự kết hợp giữa so sánh dọc và so sánh ngang, tạo tính linh hoạt giúp người sử dụng thông tin có cái nhìn thông suốt về tình hình tài chính của Chi nhánh trong một quá trình.

3.2.2.2 Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.

Ø Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.

a. Phân tích cơ cấu và biến động tài sản - nguồn vốn.

Trước khi phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn qua bảng cân đối kế toán, nhân viên phân tích đã kê giá trị và tính toán tỷ trọng của các khoản mục trong bảng cân đối kế toán năm 2013. Đồng thời nhân viên phân tích cũng lấy số liệu về giá trị và tỷ trọng các khoản mục năm 2012 để làm cơ sở tính toán sự tăng giảm của các khoản mục cả về giá trị tuyệt đối và tương đối.

**Bảng 3.1: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng
Lũng Lô năm 2013.**

Chỉ tiêu		Cuối năm				Chênh lệch 2013 so với 2012	
		2012		2013		Số tiền (Trđ)	Tỷ lệ (%)
		Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)		
I	Cơ cấu tài sản						
A	Tài sản ngắn hạn	354.923	62,08	370.303	63,93	15.380	4,33
1	Tiền và tương đương tiền	18.775	5,29	21.848	5,90	3.073	16,37
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Phải thu ngắn hạn	242.471	68,32	228.648	61,75	-13.823	-5,70
4	Hàng tồn kho	82.059	23,12	107.035	28,90	24.976	30,44
5	Tài sản ngắn hạn khác	11.618	3,27	12.772	3,45	1.154	9,93
B	Tài sản dài hạn	216.770	37,92	208.886	36,07	-7.884	-3,64
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Tài sản cố định	139.447	64,33	126.775	60,69	-12.672	-9,09

3	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0,00	0	0,00
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	74.452	34,35	78.184	37,43	3.732	5,01
5	Tài sản dài hạn khác	2.870	1,32	3.927	1,88	1.057	36,81
	Tổng tài sản	571.693	100,00	579.189	100,00	7.497	1,31
II	Cơ cấu nguồn vốn						
A	Nợ phải trả	413.135	72,27	409.049	70,62	-4.086	-0,99
1	Nợ ngắn hạn	352.396	85,30	365.315	89,31	12.919	3,67
2	Nợ dài hạn	60.739	14,70	43.734	10,69	-17.005	-28,00
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	158.558	27,73	170.140	29,38	11.582	7,30
1	Vốn chủ sở hữu	158.558	100,00	170.140	100,00	11.582	7,30
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0	0,00
	Tổng nguồn vốn	571.693	100	579.189	100	7.497	1,31

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013)

▼ Phân tích cơ cấu và biến động tài sản.

Thông qua việc phân tích cơ cấu và biến động tài sản của Chi nhánh sẽ giúp người sử dụng thông tin thấy được từng loại tài sản chiếm bao nhiêu trong tổng số tài sản của Chi nhánh, từ đó thấy được sự biến động trong cơ cấu đầu tư vốn có ảnh hưởng như thế nào đến năng lực tài chính của Chi nhánh.

Sau khi tính toán các giá trị ở Bảng 3.1, nhân viên phân tích đã đưa ra những nhận định về cơ cấu tài sản của Chi nhánh, cụ thể là: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và tăng giá trị so với năm trước, ngược lại tài sản dài hạn lại chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong tổng tài sản và giảm giá trị so với năm trước. Năm 2013 tài sản ngắn hạn là 370,303 tỷ đồng chiếm 63,93% tổng tài sản, tài sản dài hạn là 208,886 tỷ đồng chiếm 36,07% tổng tài sản. Trong năm 2013, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn tăng, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm so với năm 2012, tuy nhiên chưa thể kết luận tình hình tài chính tốt hay xấu. Vì thế để đánh giá năng lực tài chính của Chi nhánh qua việc phân tích cơ cấu tài sản thì nhân viên phân tích đã đi sâu vào phân tích những khoản mục chi tiết.

- Tài sản ngắn hạn:

+ Các khoản phải thu ngắn hạn: Nhìn trong bảng cân đối kế toán 2013, nhân viên phân tích đã chỉ ra rằng khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất và đang có xu hướng giảm về cả giá trị và trọng trong tài sản ngắn hạn. Cụ thể, năm 2013 các khoản phải thu ngắn hạn là 228,648 tỷ đồng chiếm 61,75% trong tổng tài sản ngắn hạn, giảm 5,7% so với năm 2012. Tình hình trên được lý giải bằng việc năm 2013, Chi nhánh đã giảm khoảng 32 tỷ đồng ở khoản mục trả trước cho người bán nên đã góp phần lớn vào việc giảm các khoản phải thu ngắn hạn. Tuy nhiên quy mô và tỷ trọng của

khoản mục này vẫn tương đối cao, đây là một đặc thù của ngành nghề xây dựng, nhưng nhân viên phân tích nhận định rằng Chi nhánh vẫn cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc thu hồi vốn để tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn và phải đi vay nợ nhiều khi đó chi phí lãi vay sẽ tăng cao.

+ Hàng tồn kho chiếm tỷ lệ lớn thứ 2 trong tài sản ngắn hạn, năm 2013 là 107,035 tỷ đồng chiếm 28,9% tài sản ngắn hạn, tăng 30,44% so với năm 2012. Hàng tồn kho của Chi nhánh chiếm một tỷ trọng lớn là do đặc thù kinh doanh của Chi nhánh chuyên thì công xây lắp các đường điện cao thế, hệ thống trạm biến áp quy mô lớn, giá trị hợp đồng lên đến từ hàng chục đến hàng trăm tỷ đồng. Bên cạnh đó, việc nghiệm thu thanh toán cũng cần phải đến những giai đoạn nhất định nên giá trị dở dang của công trình tương đối lớn. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến quy mô hàng tồn kho của Chi nhánh lớn. Về việc trong năm 2013, giá trị hàng tồn kho lại tăng mạnh so với năm 2012 được nhân viên phân tích lý giải bằng việc trong năm này chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng mạnh, tăng khoảng 28 tỷ đồng nhưng công tác nghiệm thu thanh toán chưa được đẩy mạnh.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng tài sản ngắn hạn, năm 2013 là 21,848 tỷ đồng chiếm 5,9% tổng tài sản ngắn hạn, tăng 16,37% so với năm 2013. Do trong năm 2013 nhu cầu chi tiêu cho xây lắp công trình cũng tăng cao hơn năm 2013, nên Chi nhánh cần dự trữ lượng tiền lớn hơn để phục vụ cho việc mua vật tư phục vụ thi công, trả lương cho công nhân, trả lãi các khoản vay đến hạn, đảm bảo tính thanh khoản.

+ Tài sản ngắn hạn khác cũng giống như vốn bằng tiền là chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản ngắn hạn và đều tăng lên cả về giá trị và cơ cấu nhưng điều này lại không phải là tốt như với vốn bằng tiền. Đây là do các khoản tạm ứng tăng lên, việc thu hồi tạm ứng đạt kết quả chưa tốt.

- Tài sản dài hạn:

+ Tài sản cố định là khoản mục có giá trị và tỷ trọng lớn nhất trong tài sản dài hạn. Tuy nhiên khoản mục này có xu hướng giảm về giá trị lẫn tỷ trọng từ cuối năm 2012 đến cuối năm 2013. Năm 2013, giá trị tài sản cố định là 126,775 tỷ đồng chiếm 60,69% tài sản dài hạn, giảm 9,09% so với năm 2012. Nhân viên phân tích lí giải điều này là do trong năm này mặc dù tài sản cố định hữu hình tăng bằng việc hoàn tất đầu tư trụ sở làm việc mới, tuy nhiên là chi phí xây dựng cơ bản dở dang lại giảm gần 25 tỷ đồng là do giá trị trụ sở làm việc mới đã được kết chuyển vào tài sản cố định, đồng thời có một số kết chuyển giảm do Chi nhánh nhượng lại một phần diện tích văn phòng cho một số doanh nghiệp khác.

+ Đầu tư tài chính dài hạn cũng tăng lên làm cho tài sản dài hạn tăng lên. Các khoản đầu tư tài chính tăng lên chủ yếu là do Chi nhánh đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết nhằm mục tiêu tạo ra nguồn lợi tức lâu dài cho Chi nhánh. Trong năm này Công ty tập trung đầu tư chủ yếu vào Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô với khoảng hơn 3 tỷ đồng.

+ Tài sản dài hạn khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản dài hạn, và biến động cũng không lớn và không ảnh hưởng nhiều đến tình hình tài chính của Chi nhánh.

Qua những phân tích ở trên, nhân viên phân tích đánh giá rằng tình hình tài sản của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013 có một số điểm cải thiện hơn và một số điểm chưa tốt bằng năm 2012, nhưng nhìn chung tình hình tài sản của Chi nhánh vẫn ổn định, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. Quy mô tổng tài sản tăng và giá trị các khoản phải thu giảm, tuy nhiên hàng tồn kho lại tăng và tài sản cố định giảm. Vấn đề đặt ra với Chi nhánh là cần đẩy mạnh công tác

nghiệm thu thanh toán để những hạng mục công trình nằm ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sớm được kết chuyển sang giá vốn hàng bán và doanh thu để thu tiền về Chi nhánh, từ đó có vốn tiến hành quay vòng thi công tiếp các hạng mục công trình. Ngoài ra Chi nhánh cũng cần đầu tư mới và nâng cấp tài sản cố định, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ nhằm tăng năng lực sản xuất cho Chi nhánh. Có như vậy mới khiến cho tiến độ thi công nhanh hơn, hiệu quả kinh doanh tăng, tăng uy tín và thương hiệu trên thị trường.

▼ Phân tích cơ cấu và biến động nguồn vốn.

Nguồn vốn gồm nguồn vốn chủ sở hữu và nợ phải trả. Việc phân tích sự tăng giảm của hai chỉ tiêu này sẽ cho thấy được sự thay đổi trong cơ cấu nguồn vốn của Chi nhánh, từ đó giúp đánh giá được một phần năng lực tài chính của Chi nhánh. Sự biến động nguồn vốn tương đương với sự biến động của tài sản vì nguồn vốn là nguồn hình thành nên giá trị tài sản của Chi nhánh. Do vậy cũng như phân tích tài sản, nhân viên phân tích cũng lấy số liệu từ bảng cân đối kế toán để phân tích tình hình biến động nguồn vốn và việc huy động vốn của Chi nhánh.

Theo số liệu đã tính toán ở Bảng 3.1, nhân viên phân tích đã tiến hành phân tích như sau:

- Nợ phải trả: Nợ phải trả của Chi nhánh năm 2013 là 409,049 tỷ đồng, chiếm 70,62% tổng nguồn vốn, giảm 0,99% so với năm 2012. Chi tiết khoản mục nợ phải trả như sau:

+ Nợ ngắn hạn: Nợ ngắn hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn, gần 90% tổng nợ phải trả của Chi nhánh. Nợ ngắn hạn của Chi nhánh năm 2013 là 365,315 tỷ đồng giảm 3,67% so với năm 2012. Về quy mô thì nợ ngắn hạn không biến động nhiều, tuy nhiên về cơ cấu bên trong thì có biến động khá

lớn, vay nợ ngắn hạn tăng khoảng 25 tỷ đồng, phải trả người bán tăng khoảng 20 tỷ đồng, nhưng khoản mục người mua trả tiền trước giảm khoảng 65 tỷ đồng. Điều này cho thấy khả năng chiếm dụng vốn của Chi nhánh suy giảm, thay vào đó Chi nhánh phải sử dụng nợ ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng để bù đắp.

+ Nợ dài hạn: Nợ dài hạn chỉ chiếm hơn 10% trong tổng nợ phải trả. Năm 2013 nợ dài hạn của Chi nhánh là 10,69 tỷ đồng, giảm 28% so với năm 2012. Điều này là do trong năm này, có nhiều khoản vay đến hạn trả nợ trong khi không có khoản vay mới nào được vay thêm.

- Nguồn vốn chủ sở hữu: Trong nguồn vốn chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu chiếm 100%, trong đó khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu chiếm đa số. Trong năm 2013, vốn chủ sở hữu của Chi nhánh tăng từ 158,558 tỷ đồng lên 170,140 tỷ đồng, tức là khoảng 7,3%. Nhân viên phân tích lý giải nguyên nhân của điều này là do trong năm 2013, Chi nhánh đã tăng cường trích lập quỹ đầu tư phát triển và tăng lợi nhuận giữ lại chưa phân phối. Việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu giúp cho Chi nhánh vừa tăng được nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh vừa cải thiện khả năng cân đối giữa nợ và vốn chủ sở hữu.

Sau khi tiến hành phân tích, nhân viên phân tích đã nhận định rằng, nhìn tổng thể trong cơ cấu nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô có thể thấy tỷ trọng nợ phải trả khá cao, tuy nhiên đây chưa phải là điều đáng lo ngại lớn đối với một doanh nghiệp xây lắp những công trình có quy mô lớn. Việc ưu tiên sử dụng nợ hay ưu tiên sử dụng vốn chủ sở hữu lại liên quan đến chi phí vốn. Sử dụng nợ rẻ hơn vì chi phí lãi vay được hưởng tiết kiệm thuế, tuy nhiên nếu sử dụng nợ quá nhiều thì rủi ro đối với doanh nghiệp cũng tăng lên. Chính vì thế việc sử dụng loại nguồn vốn nào là bài toán đối với các nhà quản trị doanh nghiệp

nhưng thông thường trong một doanh nghiệp thì nợ vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn vốn chủ sở hữu. Tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong năm 2013, các khoản mục trong cơ cấu nguồn vốn có biến động nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn cao, tuy nhiên khả năng chiếm dụng vốn đã giảm đáng kể so với năm trước.

b. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán.

▼ Phân tích tình hình công nợ.

Phân tích tình hình công nợ là một nội dung quan trọng nên Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô khá lưu tâm đến vấn đề này. Phân tích tình hình công nợ sẽ giúp Chi nhánh biết được tình hình biến động của các khoản phải thu, phải trả, biết được Chi nhánh có bị chiếm dụng vốn hay không và chất lượng công tác thu hồi công nợ như thế nào. Để phân tích tình hình công nợ tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013, nhân viên phân tích đã tiến hành tính toán các chỉ tiêu có liên quan trong bảng sau:

Bảng 3.2: Phân tích tình hình công nợ Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.

Chỉ tiêu	Năm		Chênh lệch 2013 so với 2012	
	2012	2013	+/-	%
1. Bình quân các khoản phải thu (triệu đồng)	230.028	237.666	7.638	3,32
2. Bình quân các khoản phải trả (triệu đồng)	313.688	312.217	-1.471	-0,47
3. Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả (lần)	0,73	0,76	0,03	3,81
4. Vòng quay khoản phải thu (vòng)	2,13	2,25	0,12	5,78
5. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	171,23	161,87	-9,36	-5,47
6. Vòng quay khoản phải trả (vòng)	1,40	1,50	0,10	7,13
7. Số ngày phải trả bình quân (ngày)	260,79	243,44	-17,35	-6,65

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013)

Từ số liệu tính toán các chỉ tiêu trong bảng trên, nhân viên phân tích đã đưa ra một số đánh giá, cụ thể là:

Giá trị bình quân các khoản phải thu năm 2013 là 237,666 tỷ đồng, tăng 3,32% so với năm 2012. Giá trị bình quân các khoản phải trả năm 2013 là 312,217 tỷ đồng, giảm 0,47% so với năm 2012. Các biến động như vậy đã ảnh hưởng tới tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả. Tỷ lệ này đã

tăng từ 0,73 lên 0,76 chứng tỏ rằng Chi nhánh vẫn đang chiếm dụng vốn của các đối tượng khác nhưng khả năng đó đã giảm sút so với năm trước.

Vòng quay khoản phải thu năm 2013 là 2,25, tăng 5,78% so với 2012. Kỳ thu tiền bình quân năm 2013 là 161,87 ngày, giảm 5,47% so với năm 2012. Nhìn vào hai chỉ tiêu trên có thể thấy năm 2013 Chi nhánh đã làm tốt công tác thu hồi công nợ hơn so với năm trước.

Vòng quay khoản phải trả năm 2013 là 1,50, tăng 7,13% so với 2012. Số ngày phải trả bình quân năm 2013 là 243,44 ngày, giảm 6,65% so với năm 2012. Nhìn vào hai chỉ tiêu này có thể thấy trong năm 2013 Chi nhánh đã không làm tốt trong việc kéo dài thời gian trả nợ.

Từ những phân tích trên, nhân viên phân tích đã đưa ra nhận định rằng: Mặc dù các chỉ tiêu phản ánh tình hình quản lý công nợ có biến động nhưng mức độ biến động không lớn, Chi nhánh đã làm tốt hơn trong việc thu hồi công nợ những lại kém hơn trong việc kéo dài thời gian trả nợ, nhìn chung tình hình quản lý công nợ của Chi nhánh vẫn ổn định.

▼ Phân tích khả năng thanh toán.

Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp có thể cho phép nhận định, đánh giá được một khía cạnh quan trọng trong tình hình tài chính của doanh nghiệp. Khi khả năng thanh toán của doanh nghiệp không được đảm bảo, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong hoạt động, thậm chí rơi vào tình trạng phá sản. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích khả năng thanh toán, nên nó đã trở thành một nội dung không thể thiếu trong công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô. Trên cơ sở những phương pháp và lý luận sẵn có về phân tích khả năng thanh toán, nhân viên phân tích tiến hành thu thập số liệu về tổng tài sản, tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, hàng tồn kho, tiền cũng như các

khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán nhằm phân tích khả năng thanh toán nợ của Chi nhánh. Việc phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh được nhân viên phân tích tiến hành thông qua việc tính toán và đánh giá các chỉ tiêu trong Bảng 3.3:

Bảng 3.3: Phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.

Đơn vị tính: Làn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2013 so với 2012	
	2012	2013	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,007	1,014	0,007	0,64
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,77	0,72	-0,05	-6,93
3. Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền	0,05	0,06	0,01	12,25

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013)

Qua số liệu ở Bảng 3.3, nhân viên phân tích đã đánh giá rằng tình hình thanh toán của Chi nhánh năm 2013 đã cải thiện hơn so với năm 2012. Trong các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán thì chỉ có chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, còn hai chỉ tiêu còn lại đều nhỏ hơn 1. Trong ba chỉ tiêu phân tích thì hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán bằng tiền là tăng, hệ số khả năng thanh toán nhanh lại giảm. Cụ thể:

Khả năng thanh toán ngắn hạn của Chi nhánh năm 2012 là 1,007 lần, sang năm 2013, hệ số này tăng lên 1,014 lần, hệ số này ở cả hai năm đều lớn hơn 1 cho thấy nếu dùng toàn bộ tài sản ngắn hạn của mình để thanh toán nợ thì Chi nhánh có đủ khả năng thanh toán toàn bộ các khoản nợ trong ngắn hạn cho chủ nợ và đối tác. Tuy nhiên, khi xem xét khả năng thanh toán nhanh của Chi nhánh lại có dấu hiệu suy giảm, năm 2012 hệ số này ở mức 0,77 lần nhưng sang năm 2013, hệ số này giảm xuống còn 0,72 lần, với tốc độ giảm 6,93%. Nguyên nhân của điều này là do trong năm 2013 lượng hàng tồn kho tồn đọng của Chi nhánh đã tăng mạnh từ 82,059 tỷ đồng lên 107,035 tỷ đồng, điều này đã ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nhanh của Chi nhánh. Mặc dù trị số của hệ số khả năng thanh toán nhanh của Chi nhánh nhỏ hơn 1 nhưng cũng không phải điều đáng lo ngại vì các khoản vay có kỳ hạn khác nhau, thời điểm vay cũng không trùng nhau. Ngoài ra, hệ số khả năng thanh toán bằng tiền của Chi nhánh năm 2013 cũng tăng so với 2012, mức tăng là 12,25%. Trong năm này quy mô sản xuất kinh doanh của Chi nhánh lớn hơn nên việc Chi nhánh nắm giữ một lượng tiền lớn hơn là điều dễ hiểu.

c. Phân tích hiệu quả kinh doanh.

Để phân tích hiệu quả kinh doanh, nhân viên phân tích dựa vào các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và bảng cân đối kế toán áp dụng phương pháp tỷ số kết hợp với phương pháp so sánh số liệu giữa các năm. Nhân viên phân tích đã tiến hành đánh giá hiệu quả kinh doanh thông qua phân tích các chỉ tiêu trên Bảng 3.4. Dựa vào kết quả tính toán các chỉ tiêu trong bảng, nhân viên phân tích đã cung cấp các thông tin cho ban lãnh đạo Chi nhánh về sự tăng giảm của các chỉ tiêu: Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, ROA, ROE, tỷ suất lợi nhuận ròng...

Bảng 3.4: Phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2013 so với 2012	
	2012	2013	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Lợi nhuận trước thuế	23.147	20.710	-2.437	-10,53
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.345	3.442	-1.903	-35,60
3. Lợi nhuận sau thuế	17.802	17.268	-534	-3,00
4. Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,036	0,032	-0,004	-11,25
5. Suất sinh lời tổng tài sản (ROA)	0,030	0,030	0	0
6. Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)	0,126	0,105	0,021	-16,28

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013)

Từ Bảng 3.4, nhân viên phân tích đã tiến hành phân tích về hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh. Cụ thể, lợi nhuận kế toán trước thuế của Chi nhánh giảm, năm 2013 là 20,710 tỷ đồng, giảm 2,437 tỷ đồng tương ứng mức giảm 10,53% so với năm 2012. Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng giảm 35,6% từ 5,345 tỷ đồng xuống 3,442 tỷ đồng. Do yếu tố làm giảm lợi nhuận

ròng giảm mạnh nên làm cho lợi nhuận ròng giảm ở mức độ không lớn, chỉ khoảng 3% từ 17,802 tỷ đồng xuống 17,268 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận ròng của Chi nhánh trong năm 2013 là 0,032 giảm 11,25% so với năm 2012. Điều này có nghĩa là với 1 đồng doanh thu thuần thì trong năm 2012 tạo ra được 0,036 đồng lợi nhuận ròng, còn trong năm 2013 chỉ tạo ra được 0,032 đồng lợi nhuận ròng.

Suất sinh lời tổng tài sản (ROA) của Chi nhánh trong năm 2013 không thay đổi năm 2012, giá trị vào khoảng 3%. Điều này có nghĩa là với 1 đồng tài sản thì trong năm 2013 và năm 2012 đều tạo ra được 0,03 đồng lợi nhuận ròng.

Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) của Chi nhánh trong năm 2013 đã giảm so với năm 2012 từ 0,126 xuống 0,105, tương ứng với mức giảm 16,28%. Điều này có nghĩa là với 1 đồng vốn chủ sở hữu thì trong năm 2012 tạo ra được 0,126 đồng lợi nhuận ròng, còn trong năm 2013 chỉ tạo ra được 0,105 đồng lợi nhuận ròng.

Từ một số phân tích trên, nhân viên phân tích đã nhận định rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trong năm 2013 kém hiệu quả hơn so với năm 2012.

Qua tìm hiểu thực tế, công tác phân tích hiệu quả kinh doanh tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô là sự lồng ghép giữa phân tích báo cáo kết quả kinh doanh và phân tích một số tỷ số trong nhóm tỷ số về khả năng sinh lời, tuy nhiên trong nội dung phân tích Chi nhánh bị thiếu sót một số chỉ tiêu quan trọng.

Ø Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.

Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014 không thay đổi so với năm 2013, vẫn gồm 3 nội dung là phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh.

a. Phân tích cơ cấu và biến động tài sản - nguồn vốn.

Tương tự như năm 2013, trước khi phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn qua bảng cân đối kế toán, nhân viên phân tích đã kê giá trị và tính toán tỷ trọng của các khoản mục trong bảng cân đối kế toán năm 2014. Đồng thời nhân viên phân tích cũng lấy số liệu về giá trị và tỷ trọng các khoản mục năm 2013 để làm cơ sở tính toán sự tăng giảm của các khoản mục cả về giá trị tuyệt đối và tương đối.

**Bảng 3.5: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng
Lũng Lô năm 2014.**

Chỉ tiêu		Cuối năm				Chênh lệch 2014 so với 2013	
		2013		2014		Số tiền (Trđ)	Tỷ lệ (%)
		Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)		
I	Cơ cấu tài sản						
A	Tài sản ngắn hạn	370.303	63,93	365.951	66,35	-4.352	-1,18
1	Tiền và tương đương tiền	21.848	5,90	29.050	7,94	7.202	32,96
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0,00	18.672	5,10	18.672	0,00
3	Phải thu ngắn hạn	228.648	61,75	233.983	63,94	5.334	2,33
4	Hàng tồn kho	107.035	28,90	74.149	20,26	-32.885	-30,72
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.772	3,45	10.097	2,76	-2.675	-20,95
B	Tài sản dài hạn	208.886	36,07	185.614	33,65	-23.273	-11,14
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0,00	8.833	4,76	8.833	0,00
2	Tài sản cố định	126.775	60,69	118.141	63,65	-8.634	-6,81

3	Bất động sản đầu tư	0	0,00	0	0	0	0,00
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	78.184	37,43	57.568	31,02	-20.615	-26,37
5	Tài sản dài hạn khác	3.927	1,88	1.071	0,58	-2.856	-72,73
	Tổng tài sản	579.189	100,00	551.564	100,00	-27.625	-4,77
II	Cơ cấu nguồn vốn						
A	Nợ phải trả	409.049	70,62	373.910	67,79	-35.139	-8,59
1	Nợ ngắn hạn	365.315	89,31	318.130	85,08	-47.185	-12,92
2	Nợ dài hạn	43.734	11,70	55.780	14,92	12.046	27,54
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	170.140	29,38	177.654	32,21	7.514	4,42
1	Vốn chủ sở hữu	170.140	95,77	177.654	100,00	7.514	4,42
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0	0,00
	Tổng nguồn vốn	579.189	100	551.564	100	-27.625	-4,77

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.)

Việc phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn năm 2014 diễn ra tương tự năm 2013 về cách thức và phương pháp phân tích. Từ đó nhân viên phân tích đã đưa ra kết luận rằng:

Về nguồn vốn: Biến động về nguồn vốn của Chi nhánh trong năm 2014 chủ yếu diễn ra ở nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn đã giảm so với năm trước mà nguyên nhân chủ yếu là do sự suy giảm của khoản mục phải trả người bán và khoản mục người mua trả tiền trước. Điều này cho thấy khả năng chiếm dụng vốn của Chi nhánh suy giảm.

b. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán.

▼ Phân tích tình hình công nợ.

Để phân tích tình hình công nợ của Chi nhánh năm 2014, nhân viên phân tích cũng lập bảng tính giá trị của một số chỉ tiêu liên quan.

Bảng 3.6: Phân tích tình hình công nợ Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.

Chỉ tiêu	Năm		Chênh lệch 2014 so với 2013	
	2013	2014	+/-	%
1. Bình quân các khoản phải thu (triệu đồng)	237.666	231.651	-6.014	-2,53
2. Bình quân các khoản phải trả (triệu đồng)	312.217	275.037	-37.180	-11,91
3. Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả (lần)	0,76	0,84	0,08	10,65
4. Vòng quay khoản phải thu	2,25	2,35	0,10	4,42

(vòng)				
5. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	161,87	155,02	-6,85	-4,23
6. Vòng quay khoản phải trả (vòng)	1,50	1,74	0,24	15,80
7. Số ngày phải trả bình quân (ngày)	243,44	210,22	-33,22	-13,65

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015)

Việc phân tích tình hình công nợ diễn ra tương tự năm 2013 và nhân viên phân tích đã đưa ra kết luận như sau: Công tác quản lý công nợ của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014 đã cải thiện hơn so với năm 2013, vòng quay khoản phải thu lớn hơn đồng nghĩa với tốc độ thu hồi công nợ nhanh hơn, vòng quay khoản phải trả lớn hơn chứng tỏ Chi nhánh chiếm dụng vốn kém hơn, thanh toán công nợ nhanh hơn trước, tuy nhiên bù lại là giá trị khoản phải trả giảm giúp tăng tính an toàn và uy tín của Chi nhánh.

▼ Phân tích khả năng thanh toán.

Để phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014, nhân viên phân tích cũng đã tính toán một số chỉ tiêu phản ánh tình hình thanh toán theo bảng sau:

Bảng 3.7: Phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.

Đơn vị tính: Làn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2014 so với 2013	
	2013	2014	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,01	1,15	0,14	13,48
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,72	0,92	0,20	27,28
3. Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền	0,06	0,09	0,03	52,69

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014)

Việc tiến hành phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh năm 2014 diễn ra tương tự năm 2013, từ đó nhân viên phân tích đưa ra kết luận như sau: Khả năng thanh toán của Chi nhánh trong năm 2014 đã cải thiện rõ rệt so với năm 2013, tất cả các hệ số phản ánh khả năng thanh toán đều tăng.

c. Phân tích hiệu quả kinh doanh.

Để phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014, nhân viên phân tích cũng đã tính toán một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh theo bảng sau:

Bảng 3.8: Phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2014 so với 2013	
	2013	2014	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Lợi nhuận trước thuế	20.710	22.207	1.498	7,23
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.442	1.835	-1.607	-46,69
3. Lợi nhuận sau thuế	17.268	20.372	3.105	17,98
4. Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,032	0,037	0,005	15,92
5. Suất sinh lời tổng tài sản (ROA)	0,030	0,036	0,006	20,08
6. Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)	0,105	0,117	0,012	11,50

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015)

Việc phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh năm 2014 diễn ra tương tự năm 2013, từ đó nhân viên phân tích đưa ra kết luận như sau: Qua phân tích có thể thấy tất cả các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh của Chi

nhánh trong năm 2014 đều tốt hơn so với năm 2013, vì vậy trong năm này việc tổ chức sản xuất kinh doanh của Chi nhánh đạt hiệu quả cao hơn so với năm trước.

Ø Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Nội dung phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015 không thay đổi so với năm 2013, vẫn gồm 3 nội dung là phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh.

a. Phân tích cơ cấu và biến động tài sản - nguồn vốn.

Tương tự như năm 2014, trước khi phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn qua bảng cân đối kế toán, nhân viên phân tích đã kê giá trị và tính toán tỷ trọng của các khoản mục trong bảng cân đối kế toán năm 2015. Đồng thời nhân viên phân tích cũng lấy số liệu về giá trị và tỷ trọng các khoản mục năm 2014 để làm cơ sở tính toán sự tăng giảm của các khoản mục cả về giá trị tuyệt đối và tương đối.

**Bảng 3.9: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng
Lũng Lô năm 2015.**

Chỉ tiêu		Cuối năm				Chênh lệch 2015 so với 2014	
		2014		2015		Số tiền (Trđ)	Tỷ lệ (%)
		Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)		
I	Cơ cấu tài sản						
A	Tài sản ngắn hạn	365.951	66,35	437.133	69,43	71.182	19,45
1	Tiền và tương đương tiền	29.050	7,94	47.990	10,98	18.940	65,20
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	18.672	5,10	18.882	4,32	210	1,12
3	Phải thu ngắn hạn	233.983	63,94	248.796	56,92	14.813	6,33
4	Hàng tồn kho	74.149	20,26	107.851	24,67	33.701	45,45
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.097	2,76	13.615	3,11	3.518	34,84
B	Tài sản dài hạn	185.614	33,65	192.476	30,57	6.863	3,70
1	Các khoản phải thu dài hạn	8.833	4,76	10.362	5,38	1.529	17,30
2	Tài sản cố định	118.141	63,65	114.381	59,43	-3.760	-3,18

3	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	57.568	31,02	66.082	34,33	8.514	14,79
5	Tài sản dài hạn khác	1.071	0,58	1.651	0,86	580	54,20
	Tổng tài sản	551.564	100	629.609	100	78.045	14,15
II	Cơ cấu nguồn vốn						
A	Nợ phải trả	373.910	67,79	409.833	65,09	35.923	9,61
1	Nợ ngắn hạn	318.130	85,08	365.904	89,28	47.774	15,02
2	Nợ dài hạn	55.780	14,92	43.929	10,72	-11.851	-21,25
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	177.654	32,21	219.776	34,91	42.122	23,71
1	Vốn chủ sở hữu	177.654	100	219.776	100	42.122	23,71
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng nguồn vốn	551.564	100	629.609	100	78.045	14,15

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.)

Việc phân tích cơ cấu và biến động tài sản – nguồn vốn năm 2015 diễn ra tương tự năm 2014 về cách thức và phương pháp phân tích. Từ đó nhân viên phân tích đã đưa ra kết luận rằng:

Về tài sản: Nhân viên phân tích đánh giá rằng quy mô tổng tài sản đã tăng, đây là một tín hiệu khả quan, tuy nhiên cơ cấu tài sản của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô chưa thật hợp lý. Trong hai năm 2013 và 2014, tỷ trọng tài sản ngắn hạn liên tục tăng và trong năm 2015 lại tiếp tục tăng tiếp, đồng nghĩa với nó là tỷ trọng tài sản dài hạn giảm. Việc tài sản cố định chiếm tỷ trọng thấp làm giảm đi sự chủ động trong sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng tới khả năng huy động vốn của Chi nhánh vì các nhà đầu tư cũng thường căn cứ vào cơ cấu tài sản của Chi nhánh để đưa ra quyết định có đầu tư vào Chi nhánh hay không. Bởi vậy có thể nói cơ cấu tài sản của Chi nhánh như vậy sẽ là một yếu tố bất lợi trong quá trình huy động vốn, làm giảm năng lực tài chính của Chi nhánh. Mặt khác, lượng hàng tồn kho của Chi nhánh tăng đột biến so với cuối năm 2015 do chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang lớn. Do đó Chi nhánh cần đẩy mạnh công tác thu vốn từ các công trình bằng việc đôn đốc theo dõi sát sao quá trình nghiệm thu thanh toán những hạng mục đã hoàn thành của các công trình và thu hồi công nợ. Từ đó có vốn tiến hành quay vòng thi công tiếp các hạng mục khác, ngoài ra cũng để đầu tư mới và nâng cấp tài sản cố định, tăng năng lực sản xuất cho Chi nhánh.

Về nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của Chi nhánh trong năm 2015 đã tăng mạnh mà nguyên nhân chủ yếu là tăng nợ ngắn hạn và tăng vốn chủ sở hữu. Tình hình biến động như vậy vừa giúp Chi nhánh tăng cường đáng kể nguồn vốn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh vừa cải thiện tính an toàn trong cơ cấu vốn.

b. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán.

▼ Phân tích tình hình công nợ.

Để phân tích tình hình công nợ của Chi nhánh năm 2015, nhân viên phân tích cũng lập bảng tính giá trị của một số chỉ tiêu liên quan.

Bảng 3.10: Phân tích tình hình công nợ Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Chỉ tiêu	Năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
1. Bình quân các khoản phải thu (triệu đồng)	231.651	242.382	10.730	4,63
2. Bình quân các khoản phải trả (triệu đồng)	275.037	260.000	-15.037	-5,47
3. Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả (lần)	0,84	0,93	0,09	10,68
4. Vòng quay khoản phải thu (vòng)	2,35	2,29	-0,06	-2,66
5. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	155,02	159,25	4,23	2,73
6. Vòng quay khoản phải trả (vòng)	1,74	1,87	0,13	7,72
7. Số ngày phải trả bình quân (ngày)	210,22	195,16	-15,06	-7,16

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015)

Việc phân tích tình hình công nợ của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong năm 2015 diễn ra tương tự năm

2014 và nhân viên phân tích đã đưa ra kết luận như sau: Nhìn chung tình hình quản lý công nợ của Chi nhánh trong năm 2015 thực hiện chưa tốt so với năm trước, khả năng chiếm dụng vốn giảm, các khoản phải thu tăng và có giá trị khá lớn, chiếm gần 60% giá trị tài sản ngắn hạn. Mặc dù các doanh nghiệp thi công xây dựng thường có khoản phải thu lớn nhưng để đảm bảo dòng tiền và có vốn quay vòng phục vụ cho hoạt động kinh doanh, Chi nhánh cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thu hồi vốn và công nợ của các công trình. Mặt khác, khả năng chiếm dụng vốn và kéo dài thời gian thanh toán công nợ của Chi nhánh cũng không tốt bằng năm trước.

▼ Phân tích khả năng thanh toán.

Để phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015, nhân viên phân tích cũng đã tính toán một số chỉ tiêu phản ánh tình hình thanh toán theo bảng sau:

Bảng 3.11: Phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Đơn vị tính: Làn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,15	1,19	0,04	3,86
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,92	0,90	-0,02	-1,89
3. Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền	0,09	0,13	0,04	43,63

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015)

Việc tiến hành phân tích khả năng thanh toán của Chi nhánh năm 2015 diễn ra tương tự năm 2014, từ đó nhân viên phân tích đưa ra kết luận như sau: Khả năng thanh toán của Chi nhánh năm 2015 đã cải thiện hơn so với năm 2014. Trong các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán thì hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán bằng tiền là tăng, còn hệ số khả năng thanh toán nhanh lại giảm nhưng mức giảm không lớn.

c. Phân tích hiệu quả kinh doanh.

Để phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015, nhân viên phân tích cũng đã tính toán một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh theo bảng sau:

Bảng 3.12: Phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Lợi nhuận trước thuế	22.027	25.379	3.352	15,22
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.835	2.612	776	42,31
3. Lợi nhuận sau thuế	20.372	22.768	2.395	11,76
4. Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,037	0,041	0,004	9,73
5. Suất sinh lời tổng tài sản (ROA)	0,036	0,039	0,003	6,99
6. Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)	0,117	0,115	-0,003	-2,20

(Nguồn: Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng -

Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015)

Việc phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh năm 2015 diễn ra tương tự năm 2014, từ đó nhân viên phân tích đưa ra kết luận như sau: Hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh trong năm 2015 đã cải thiện hơn so với năm 2014, hầu hết các chỉ tiêu đều đưa đến những tín hiệu tích cực hơn so với năm trước.

3.3.3 Kết thúc phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Những mắt đạt được:

- Việc phân tích số liệu của ba năm gần nhất đã đáp ứng được yêu cầu của Ban Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định quản lý và điều hành để vừa ứng phó với những biến động bất thường vừa để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kế toán tài chính... Việc phân tích tài chính có thể được thực hiện theo định kỳ hàng năm và bất thường nếu thấy cần thiết.

- Về phương pháp phân tích, Chi nhánh đã sử dụng hai phương pháp cơ bản là phương pháp so sánh và phương pháp tỷ số. Tuy việc sử dụng các phương pháp này của Chi nhánh chưa thực sự triệt để và khoa học nhưng nhìn chung mang lại những hiệu quả nhất định là việc phân tích trở nên đơn giản và dễ hiểu, phù hợp với mọi đối tượng sử dụng thông tin. Mặc dù chưa đầy đủ nhưng phương pháp so sánh và phương pháp tỷ số được Chi nhánh sử dụng đã đưa ra được một số chỉ tiêu tài chính cần thiết. Việc sử dụng phương pháp so sánh cũng có sự kết hợp giữa so sánh dọc và so sánh ngang, tạo tính linh hoạt giúp người sử dụng thông tin có cái nhìn thông suốt về tình hình tài chính của Chi nhánh trong một quá trình.

- Về mặt nội dung và kết quả phân tích, cơ bản đã đưa ra những thông tin khái quát về tình hình tài chính của doanh nghiệp: Về cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, tình hình công nợ, khả năng thanh toán, hiệu quả kinh doanh.

Đây là những chỉ tiêu mà hầu hết các đối tượng sử dụng thông tin đều quan tâm đầu tiên: Nó giúp cho thấy nguồn vốn được hình thành từ đâu? kết quả sử dụng nguồn vốn thế nào? doanh nghiệp có đảm bảo khả năng thanh toán hay không? hiệu quả từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thế nào? Dù việc lựa chọn và sử dụng các nội dung phân tích chưa đầy đủ và triệt để nhưng về cơ bản, nó vẫn mang tính hữu dụng đối với các đối tượng sử dụng thông tin.

Những hạn chế.

Qua quá trình nghiên cứu thực trạng phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, cho thấy công tác phân tích tại Chi nhánh mặc dù đã đạt được những thành quả nhất định nhưng vẫn còn khá nhiều hạn chế cần phải hoàn thiện như sau:

▼ Về công tác tổ chức và quy trình thực hiện phân tích

Công tác tổ chức phân tích tình hình tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô đã đem lại kết quả tương đối tốt, tuy nhiên vẫn còn một vài điểm hạn chế. Việc phân tích tài chính không được thực hiện thường xuyên mà thông thường chỉ thực hiện một năm một lần hoặc khi nào kế toán trưởng giao việc thì nhân viên phân tích theo lệnh thực hiện. Công tác chuẩn bị cho phân tích cũng thực hiện chưa tốt, nhân viên phân tích không xây dựng kế hoạch phân tích.

Bên cạnh đó, công tác phân tích tài chính không được giao cho bộ phận chuyên trách hoặc nhân viên chuyên trách mà do nhân viên kế toán tổng hợp tiến hành dưới sự kiểm tra giám sát của kế toán trưởng. Nhân viên này mặc dù am hiểu về tình hình tài chính của Chi nhánh, nhưng lại rất bận rộn với công việc của phòng kế toán nên không thực sự toàn tâm toàn ý cho công tác phân tích tài chính. Hơn nữa việc phân tích tài chính đòi hỏi người phân tích vừa phải có chuyên môn sâu vừa phải có sự tập trung không bị chí phối, vì vậy

nếu việc phân tích tình hình tài chính được giao cho bộ phận hoặc nhân viên chuyên trách sẽ đáp ứng được tính chính xác và kịp thời của thông tin tài chính.

▼ *Về thông tin sử dụng cho công tác phân tích*

Nguồn thông tin sử dụng cho công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô chủ yếu lấy trong nội bộ Chi nhánh qua các báo cáo tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư, nghị quyết của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông... mà chưa thu thập từ các nguồn bên ngoài. Các thông tin về tình hình tăng trưởng, biến động của nền kinh tế, của các doanh nghiệp cùng ngành, cùng lĩnh vực, cùng thị trường cũng rất quan trọng đối với công tác phân tích tài chính.

▼ *Về phương pháp phân tích.*

Công tác phân tích tình hình tài chính của Chi nhánh chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh và phương pháp tỷ số, các số liệu trong phân tích thường được so sánh theo chiều ngang giữa kỳ phân tích với kỳ trước, và chiều dọc trong một kỳ phân tích. Tuy nhiên để phương pháp so sánh được sử dụng triệt để thì cần khảo sát một số doanh nghiệp cùng ngành, cùng lĩnh vực hoạt động để ước lượng ra các chỉ tiêu trung bình ngành, như vậy sẽ giúp Chi nhánh có cái nhìn bao quát hơn về tình hình tài chính của mình và biết được vị thế cũng như sức cạnh tranh của Chi nhánh đang ở đâu trong thị trường.

Trong quá trình phân tích Chi nhánh chưa sử dụng phương pháp Dupont. Đây là phương pháp hữu dụng trong phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự thay đổi chung của đối tượng cần nghiên cứu. Phương pháp này đặc biệt phát huy tác dụng trong việc đánh giá chính xác về các nguyên nhân dẫn tới sự thay đổi của đối tượng phân tích khi đặt nó trong môi liên hệ

với các chỉ tiêu khác. Khi áp dụng phương pháp này sẽ là cơ sở để đề xuất các giải pháp cải thiện tình hình tài chính đặc biệt là nâng cao hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh.

▼ *Về nội dung phân tích*

Một là, Chi nhánh mới chỉ phân tích tình hình biến động của nguồn vốn và tài sản mà chưa phân tích quá trình sử dụng vốn để thấy được dòng vốn luân chuyển như thế nào trong hoạt động kinh doanh của Chi nhánh. Việc phân tích này sẽ giúp nhà quản lý thấy rõ được nguyên nhân thay đổi của các khoản mục trong bảng cân đối kế toán, từ đó giúp cho tình hình tài chính của Chi nhánh minh bạch hơn.

Hai là, trong nội dung phân tích tài chính Chi nhánh chưa phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Chi nhánh thiếu việc phân tích nội dung này thì trong tương lai có thể dẫn tới sự mất cân đối giữa nhu cầu vốn với nguồn cung ứng vốn. Hiện nay, Chi nhánh luôn phải thi công những công trình có giá trị lớn từ vài chục đến vài trăm tỷ đồng, nên rất cần có kế hoạch về vốn rõ ràng. Chính vì vậy việc bổ sung phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh là thực sự cần thiết đối với Chi nhánh. Ngoài ra việc phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh còn giúp Chi nhánh kiểm soát được rủi ro thanh toán. Bởi lẽ thông thường tài sản ngắn hạn sẽ được hình thành từ nguồn vốn ngắn hạn, còn tài sản dài hạn được hình thành từ nguồn vốn dài hạn. Vậy nên nếu Chi nhánh tổ chức phân tích nội dung này thì sẽ biết được các khoản nợ ngắn hạn có được dùng để đầu tư cho tài sản dài hạn hay không, bởi nếu nguồn vốn ngắn hạn mà dùng để đầu tư vào tài sản dài hạn thì sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro vì kỳ hạn của chúng là khác nhau.

Ba là, nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh có sự lồng ghép giữa phân tích báo cáo kết quả kinh doanh và phân tích khả năng

sinh lời. Tuy nhiên các chỉ tiêu lựa chọn để phân tích chưa đầy đủ. Chi nhánh mới chỉ sử dụng các chỉ tiêu tài chính cuối cùng trong báo cáo kết quả kinh doanh mà chưa sử dụng các chỉ tiêu tài chính trung gian như doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp... Chính vì thế khi phân tích vẫn chưa cho thấy những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của các chỉ tiêu tài chính cuối cùng. Mặt khác, nếu xét về phân tích khả năng sinh lời thì Chi nhánh cũng bỏ sót một số chỉ tiêu quan trọng như hiệu suất sử dụng tổng tài sản, hiệu suất sử dụng tài sản cố định, hiệu suất sử dụng vốn lưu động, tỷ suất lợi nhuận gộp...

Bốn là, Chi nhánh chưa thực hiện phân tích đối với nhóm tỷ số về khả năng cân đối vốn. Đây là một nhóm chỉ tiêu quan trọng phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính của một doanh nghiệp, chính vì thế việc không phân tích nhóm chỉ tiêu này sẽ dẫn đến sự nhìn nhận thiếu đầy đủ về tình hình tài chính của Chi nhánh.

Năm là, Chi nhánh chưa thực hiện phân tích đối với nhóm tỷ số về khả năng hoạt động. Nhóm tỷ số về khả năng hoạt động sẽ giúp đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Là một doanh nghiệp xây dựng với sản phẩm là những công trình điện, nước quy mô lớn nên việc phân tích khả năng hoạt động là rất quan trọng đối với Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô. Chính vì thế việc không phân tích khả năng hoạt động là một thiếu sót lớn trong nội dung phân tích tài chính của Chi nhánh. Mặc dù trong nội dung phân tích tình hình công nợ có một số chỉ tiêu liên quan đến khả năng hoạt động, nhưng việc phân tích về khả năng hoạt động vẫn nên tách riêng và bổ sung thêm một số chỉ tiêu quan trọng còn thiếu.

Nguyên nhân của những hạn chế.

Nguyên nhân khách quan

- Phân tích tài chính là một lĩnh vực mới ở Việt Nam, nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực này còn thiếu. Công tác phân tích tài chính ở nhiều doanh nghiệp chưa được coi trọng, các quyết định tài chính mang tính ứng phó với biến động hơn là chủ động điều hành. Chính vì vậy công tác phân tích tài chính không được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển.

- Công tác kế toán chưa hoàn thiện nên phân tích tài chính chưa được đầy đủ, chính xác. Báo cáo tài chính của nhiều Chi nhánh không được công khai rộng rãi, do đó khi tiến hành phân tích tài chính Chi nhánh không thể biết được các chỉ tiêu tài chính tương tự ở các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và chưa có cơ quan Nhà nước nào chính thức đứng ra cung cấp mức trung bình của một ngành một cách đầy đủ, kịp thời để Chi nhánh tiến hành so sánh, xác định vị thế của Chi nhánh.

Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô chưa được ban lãnh đạo quan tâm đúng mức nên việc đầu tư cho công tác này vẫn chưa thích đáng dẫn đến việc tiến hành chưa mang lại kết quả cao.

- Trình độ cán bộ nhân viên còn hạn chế: Phân tích tài chính là công tác khoa học, được làm ra để ban lãnh đạo sử dụng làm cơ sở cho việc ra các quyết định tài chính, lên kế hoạch sản xuất kinh doanh, điều chỉnh các hoạt động trong doanh nghiệp để tạo ra sự cân bằng và hiệu quả. Vì thế người làm phân tích tài chính ngoài chuyên môn giỏi cần phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích tài chính. Tuy nhiên công việc phân tích tài chính ở Chi nhánh lại do nhân viên kế toán đảm trách. Nhân viên này mặc dù giỏi về nghiệp vụ kế toán

nhưng lại không được đào tạo về phân tích tài chính, hơn nữa việc phân tích tài chính đòi hỏi phải có cái nhìn tổng quát và đa chiều để vừa nhìn thấy được trạng thái vừa dự báo được biến động. Chính vì vậy khi nhân viên tiến hành phân tích còn bị bỏ sót một vài yếu tố quan trọng.

- Thông tin sử dụng trong phân tích còn thiếu: Thông tin sử dụng trong phân tích tài chính của Chi nhánh dựa chủ yếu vào các số liệu kế toán của các báo cáo tài chính, mà chưa sử dụng các thông tin khác về bối cảnh kinh tế trong nước cũng như quốc tế và tình hình sản xuất kinh doanh của ngành nên không tránh khỏi được việc đánh giá thiếu khách quan và không chính xác.

Sau khi viết báo cáo phân tích, nhân viên phân tích hoàn thiện hồ sơ phân tích để lưu trữ.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG LŨNG LÔ

4.1 Phương hướng hoàn thiện công tác phân tích tài chính.

Hoàn thiện công tác phân tích tài chính phải được thực hiện đồng bộ ở tất cả các yếu tố bao gồm tổ chức và quy trình thực hiện, thông tin và nguồn dữ liệu sử dụng, phương pháp phân tích, nội dung phân tích. Cụ thể là:

- Xây dựng bộ máy tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả; xây dựng quy trình thực hiện hợp lý, tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ phân tích;

- Xây dựng danh mục dữ liệu và thông tin cần thu thập phục vụ cho phân tích một cách đầy đủ, phù hợp với từng mục tiêu phân tích, đồng thời nghiên cứu cách thức thu thập hiệu quả.

- Nghiên cứu, tham khảo nhiều phương pháp phân tích, mô hình phân tích để tìm ra những phương pháp hiệu quả, phản ánh đúng tình hình tài chính.

- Chọn lọc nội dung phân tích phù hợp, phản ánh đầy đủ mọi khía cạnh thiết yếu của tình hình tài chính.

Ngoài ra, hoàn thiện công tác phân tích tài chính phải chú tâm tới sự nhất quán với cơ chế chính sách của Nhà nước và những quy định của cơ quan có liên quan.

4.2 Các giải pháp hoàn thiện công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô.

Về tổng thể công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong 3 năm 2013, 2014, 2015 vẫn

giống nhau từ tổ chức bộ máy, quy trình thực hiện phân tích, thông tin sử dụng cho phân tích, phương pháp phân tích đến nội dung phân tích. Vì vậy khi đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, em chọn năm 2015 là năm điển hình để sử dụng số liệu trong việc minh họa giải pháp.

Hoàn thiện tổ chức và quy trình thực hiện phân tích.

Công tác phân tích tình hình tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô do kế toán trưởng và kế toán tổng hợp thực hiện nên nhiều khi việc phân tích chưa thực sự chuyên sâu, chưa kịp thời để đưa ra các quyết định vào thời điểm cần thiết. Chi nhánh nên thành lập một ban chuyên về môn phân tích tài chính của Chi nhánh, trên cơ sở đó Ban lãnh đạo Chi nhánh sẽ biết được thông tin về thực trạng tài chính của Chi nhánh một cách thường xuyên và liên tục. Nhiệm vụ của ban chuyên phân tích tình hình tài chính của Chi nhánh là tổ chức quy trình phân tích tài chính bao gồm các công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch phân tích và phân công nhiệm vụ phân tích: Khi xây dựng kế hoạch phân tích cần xác định mục tiêu và yêu cầu của công tác phân tích phải bao gồm những nội dung nào, mục tiêu của việc phân tích các nội dung đó phục vụ là gì? Sau khi xác định được yêu cầu và mục tiêu phân tích, nhóm phân tích xây dựng quy trình phân tích gồm các bước như thế nào? Phương pháp phân tích ra sao? Tiến độ dự kiến thực hiện trong vòng bao lâu? và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Sau khi đã xây dựng kế hoạch đầy đủ, các nhân viên chuyên trách sẽ thực hiện phân tích tình hình tài chính bao gồm các nội dung chủ yếu như: Thu thập dữ liệu, thông tin từ cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp như từ báo cáo tài chính, từ các dữ liệu khác có liên quan như các nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo về tình hình thực hiện

và kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm, tình hình biến động của nền kinh tế và của ngành...; kiểm tra dữ liệu đã thu thập được, tính toán, xử lý dữ liệu, tính toán các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính doanh nghiệp theo các nhóm; phân tích đánh giá, đưa ra các nhận định phù hợp từ số liệu tính toán được của các chỉ tiêu phân tích.

- Cuối cùng, một nhân viên phân tích sẽ viết báo cáo phân tích tài chính dưới sự theo dõi và chỉnh sửa của trưởng ban phân tích để đưa ra các kết luận về tình hình tài chính, đồng thời cung cấp dự báo tài chính của doanh nghiệp nhằm giúp ban lãnh đạo Chi nhánh đưa ra quyết định phù hợp nhất ứng với mỗi tình huống tài chính cụ thể. Quá trình tổ chức thực hiện phân tích như trên sẽ đảm bảo quá trình phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô được thực hiện khoa học và hợp lý.

Hoàn thiện thông tin sử dụng cho công tác phân tích.

Nguồn thông tin sử dụng trong phân tích là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng công tác phân tích tài chính doanh nghiệp. Để công tác phân tích tài chính có thể đưa ra được những kết quả chính xác về tình hình tài chính thì Chi nhánh cần phải có nguồn thông tin đảm bảo tính đầy đủ, đáng tin cậy. Hiện nay nguồn thông tin sử dụng cho phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô chủ yếu lấy từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Nếu phân tích theo niên độ hàng năm thì nguồn thông tin này là tin cậy nhưng nếu thực hiện đột xuất trong năm thì chỉ có báo cáo của tháng, quý hoặc nửa năm, số liệu trong những báo cáo này chưa được kiểm toán nên chưa hoàn toàn đáng tin cậy. Chính vì vậy để hoàn thiện thông tin sử dụng cho công tác phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, em xin đưa ra một số giải pháp:

▼ Đối với nguồn thông tin trong nội bộ Chi nhánh.

Nguồn thông tin trong nội bộ doanh nghiệp chủ yếu được cung cấp bởi phòng Tài chính – Kế toán. Đó là những báo cáo tài chính được lập hàng quý, năm tại Chi nhánh. Để nâng cao chất lượng thông tin trong những báo cáo tài chính này khi mà nó chưa được kiểm toán thì các nhân viên kế toán của Chi nhánh phải tiến hành ghi sổ và hạch toán một cách cẩn thận, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ngoài ra Chi nhánh phải thường xuyên tiến hành kiểm toán nội bộ thông qua việc kiểm tra, đối chiếu số liệu với các hóa đơn, chứng từ đã được lưu trữ.

Mặt khác, trong quá trình phân tích tài chính hiện nay Chi nhánh mới chỉ sử dụng số liệu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính mà chưa sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đây là một nguồn thông tin quan trọng phản ánh năng lực tài chính của Chi nhánh. Trên báo cáo này cho phép đánh giá khả năng tạo tiền, khả năng thanh toán, khả năng sử dụng tiền nhàn rỗi trong đầu tư, ngoài ra báo cáo này còn là công cụ để lập dự toán tiền, xây dựng kế hoạch thu chi trong những năm tiếp sau. Do vậy, trong những năm tới Chi nhánh nên sử dụng thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ như là một nguồn thông tin không thể thiếu cho công tác phân tích.

▼ Đối với nguồn thông tin bên ngoài Chi nhánh.

Để các kết luận trong phân tích tài chính có tính chất thuyết phục cao và giúp lý giải nguyên nhân dẫn đến thực trạng tài chính, Chi nhánh cần sử dụng các thông tin từ bên ngoài có liên quan đến hoạt động kinh doanh như:

- Thông tin về biến động của nền kinh tế: Thông tin về tình hình tăng trưởng, suy thoái kinh tế, thông tin về lãi suất ngân hàng, tỷ giá ngoại tệ, thông tin về lạm phát, thông tin về sự thay đổi chỉ số giá của các loại hàng

hóa, vật tư, máy móc sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh.

- Thông tin về các đối thủ cạnh tranh, các doanh nghiệp cùng lĩnh vực hoạt động: Chi nhánh nên thu thập thông tin về báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp lớn cùng ngành như Tổng công ty 319 – Bộ Quốc Phòng, Tổng Công ty Cổ phần Sông Đà, Trung tâm xử lý bom mìn vật nổ - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô... Có được thông tin tài chính của một số Chi nhánh trên có thể giúp Chi nhánh ước lượng hệ số trung bình ngành đối với riêng lĩnh vực hoạt động của mình, từ đó có thể so sánh được sức khỏe tài chính của các doanh nghiệp, biết được vị thế của mình trên thị trường.

Hoàn thiện phương pháp phân tích.

Hiện nay, phương pháp sử dụng để phân tích tình hình tài chính tại Chi nhánh vẫn còn thiếu những phương pháp cơ bản và phù hợp để đánh giá chính xác tình hình tài chính và đưa ra quyết định phù hợp. Do đó Chi nhánh cần hoàn thiện phương pháp phân tích theo hai hướng là vừa hoàn thiện các phương pháp phân tích đang sử dụng, vừa bổ sung thêm các phương pháp mới.

▼ Hoàn thiện phương pháp đang sử dụng

Tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô đang sử dụng hai phương pháp phân tích chủ yếu là phương pháp so sánh và phương pháp tỷ số.

Nội dung phương pháp so sánh chủ yếu được thực hiện so sánh theo chiều ngang, so sánh giữa số kỳ này so với số kỳ trước. Để hoàn thiện phương pháp phân tích này các nhà phân tích cần sử dụng phương pháp so sánh này một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Ta có thể sử dụng phương pháp đó với các hình thức như sau:

- So sánh trung bình ngành: Là việc so sánh những chỉ tiêu tính toán của doanh nghiệp với các chỉ tiêu trung bình ngành, từ đó có thể đo lường được mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp so với các đối thủ khác. Hiện nay chưa có cơ quan Nhà nước nào tiến hành tính toán và công bố hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành, nhưng doanh nghiệp có thể tự ước lượng bằng cách thu thập số liệu của các đối thủ cạnh tranh cùng thị trường, cùng nguồn lực đầu vào đầu ra, sau đó tính toán ra chỉ tiêu trung bình.

- So sánh sự thay đổi của hệ số theo thời gian: Việc so sánh theo thời gian sẽ đạt hiệu quả cao nhất khi nó được thực hiện trên một dãy số liệu qua nhiều thời kỳ, vì khi đó nhà phân tích mới có thể thấy được xu hướng biến động của chỉ tiêu phân tích theo thời gian. Khi đã nắm được xu hướng biến động thì nhà phân tích có thể đánh giá được tình hình thực tế đang diễn ra theo chiều hướng tốt hay không tốt, mặt khác đó cũng là một công cụ để dự báo giá trị tương lai của các chỉ tiêu.

Như vậy cần so sánh các chỉ tiêu tài chính của Chi nhánh với số liệu trung bình ngành để đưa ra đánh giá khách quan nhất về thực trạng tài chính của Chi nhánh. Khi so sánh theo chiều ngang để thấy xu hướng phát triển của chỉ tiêu, so sánh theo chiều dọc sẽ thấy được tính hợp lý của các chỉ tiêu, từ đó có sự cân đối một cách phù hợp.

▼ *Bổ sung phương pháp phân tích phù hợp*

Ngoài những phương pháp phân tích tài chính mà Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô đang sử dụng, Chi nhánh nên bổ sung thêm phương pháp Dupont. Phương pháp này sẽ giúp cho nhân viên phân tích hiểu sâu hơn về tình hình tài chính của Chi nhánh.

Phương pháp Dupont phân tích các chỉ tiêu tổng hợp thành chuỗi các tỷ số có mối quan hệ tương hỗ với nhau nhằm phân tích ảnh hưởng của chỉ tiêu

thành phần lên chỉ tiêu tổng hợp. Việc sử dụng phương pháp Dupont sẽ giúp nhân viên phân tích tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả kinh doanh cũng như tình hình tài chính doanh nghiệp. Phương pháp này cũng mở ra phương hướng về việc tác động lên các chỉ tiêu thành phần để từ đó sẽ cải thiện chỉ tiêu tổng hợp. Vận dụng cơ sở lý luận đã trình bày ở phần trước, em sẽ phân tích các yếu tố tỷ suất lợi nhuận ròng (PM), hiệu suất sử dụng tổng tài sản (AU) và hệ số đòn bẩy tài chính (EM) đối với suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE).

Ta có: $ROA = PM \times AU$, và $ROE = PM \times AU \times EM$. Từ hai công thức trên ta tính ra bảng sau:

Bảng 4.1: Phân tích ROA và ROE của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô theo phương pháp Dupont.

Đơn vị tính: Làn.

Chỉ tiêu	Năm		Tăng/giảm (%)
	2014	2015	
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Tỷ suất lợi nhuận ròng (PM)	0,037	0,041	9,7%
2. Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (AU)	0,96	0,94	-2,5%
3. Hệ số đòn bẩy tài chính (EM)	3,25	2,97	-8,6%
4. Suất sinh lời tổng tài sản (ROA = PM x AU)	0,036	0,039	7,0%
5. Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE = PM x AU x EM)	0,117	0,115	-2,2%

(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính)

của Chi nhánh)

Qua bảng phân tích trên có thể thấy trong năm 2015 ROA đã tăng 7% và ROE đã giảm 2,2% so với năm 2014. Nguyên nhân của điều này là do:

- Tỷ suất lợi nhuận ròng năm 2015 tăng 9,7% so với năm 2014.
- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản năm 2015 giảm 2,5% so với năm 2014.
- Hệ số đòn bẩy tài chính năm 2015 giảm 8,6% so với năm 2014.

Từ phân tích trên có thể thấy rằng muốn cải thiện giá trị của ROA và ROE ta có thể đưa ra các giải pháp tác động vào các chỉ tiêu thành phần của chúng như tăng tỷ suất lợi nhuận ròng, tăng hiệu suất sử dụng tổng tài sản, hoặc tăng hệ số đòn bẩy tài chính.

Hoàn thiện nội dung phân tích.

Nội dung phân tích là yếu tố có tính chất quyết định đến kết quả của công tác phân tích tài chính. Qua nghiên cứu thực trạng phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, em nhận thấy Chi nhánh cần bổ sung một số nội dung phân tích như:

▼ ***Bổ sung phân tích quá trình sử dụng vốn.***

Để tiến hành phân tích quá trình sử dụng vốn tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô thì ta cần thiết lập bảng kê nguồn vốn và sử dụng vốn. Tiếp đó sẽ tiến hành theo dõi và ghi số liệu vào bảng kê theo nguyên tắc nếu tăng nguồn vốn hoặc giảm tài sản thì ghi vào cột nguồn vốn, còn nếu tăng tài sản hoặc giảm nguồn vốn thì ghi vào cột sử dụng vốn. Quá trình theo dõi trên sẽ cho thấy được tình hình sử dụng vốn của Chi nhánh trong cả thời kỳ, dòng vốn của Chi nhánh luân chuyển như thế nào? việc sử dụng vốn có hợp lý hay không? Trả lời được những câu hỏi trên sẽ giúp lý giải một phần thực trạng tài chính tại thời điểm hiện tại của Chi nhánh.

Em đã tiến hành lập bảng kê và phân tích quá trình sử dụng vốn trong năm 2015 của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô như sau:

Bảng 4.2: Phân tích quá trình sử dụng vốn tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu		Cuối năm		Sử dụng vốn	Nguồn vốn
		2014	2015		
A	Tài sản	551.564	629.609		
I	Tài sản ngắn hạn	365.951	437.133		
1	Tiền và tương đương tiền	29.050	47.990	18.940	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	18.672	18.882	210	
3	Phải thu ngắn hạn	233.983	248.796	14.813	
4	Hàng tồn kho	74.149	107.851	33.701	
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.097	13.615	3.518	
II	Tài sản dài hạn	185.614	192.476		
1	Các khoản phải thu dài hạn	8.833	10.362	1.529	
2	Tài sản cố định	118.141	114.381		3.760
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	57.568	66.082	8.514	
4	Tài sản dài hạn khác	1.071	1.651	580	
B	Nguồn vốn	551.564	629.609		
I	Nợ phải trả	373.910	409.833		
1	Nợ ngắn hạn	318.130	365.904		47.774
2	Nợ dài hạn	55.780	43.929	11.851	
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	177.654	219.776		42.122
	Tổng cộng			93.655	93.655

(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính của Chi nhánh)

Qua bảng tính trên có thể thấy trong năm 2015 Chi nhánh đã được bổ sung thêm nguồn vốn là 93,655 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu là từ nợ ngắn hạn và vốn chủ sở hữu, nợ ngắn hạn là 47,774 tỷ đồng chiếm 51%, vốn chủ sở hữu là 42,122 tỷ đồng chiếm 47% trong tổng số nguồn vốn bổ sung.

Cũng trong năm 2015, quá trình sử dụng vốn của Chi nhánh đã đưa đến kết quả như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 18,94 tỷ đồng chiếm 20% giá trị sử dụng vốn.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 14,813 tỷ đồng, chiếm 16% giá trị sử dụng vốn.
- Hàng tồn kho tăng 33,701 tỷ đồng, chiếm 36% giá trị sử dụng vốn.
- Nợ dài hạn giảm 11,851 tỷ đồng, chiếm 13% giá trị sử dụng vốn.

Từ biến động trên có thể thấy lượng nguồn vốn tăng lên được Chi nhánh sử dụng chủ yếu cho hoạt động kinh doanh và một phần nhỏ cho trả nợ dài hạn. Điều đáng nói là trong nguồn vốn đó có một lượng lớn từ vốn chủ sở hữu, đây có thể là một nhân tố làm giảm lợi nhuận của Chi nhánh bởi chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu không được hưởng tiết kiệm thuế. Thông thường vốn chủ sở hữu được sử dụng để tài trợ cho tài sản dài hạn, tuy nhiên khi vốn chủ sở hữu được tiếp nhận một lượng vốn lớn, việc tài trợ thêm cho tài sản dài hạn cũng không hết được lượng đó thì việc sử dụng cho tài sản ngắn hạn cũng là điều có thể chấp nhận được. Mặt khác việc nắm giữ một lượng tiền quá lớn là điều không thật sự hợp lý, bởi khi nắm giữ tiền nếu không phải chịu chi phí lãi vay thì cũng mất chi phí cơ hội khi không sử dụng vào việc đầu tư sinh lời. Từ những phân tích trên em nhận thấy Chi nhánh cần cân nhắc hơn nữa trong việc sử dụng vốn và khi ra quyết định cần lưu tâm đến chi phí vốn, chi phí cơ hội.

▼ *Bổ sung phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.*

Tài sản là yếu tố rất quan trọng để các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong bất kỳ lĩnh vực nào. Đối với mỗi doanh nghiệp thì do đặc thù kinh doanh mà cơ cấu tài sản khác nhau, do đó việc sử dụng nguồn vốn phù hợp để tài trợ cho tài sản sẽ góp phần tạo ra tính ổn định tài chính cho doanh nghiệp. Đối với Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, để đáp ứng nhu cầu tài sản, Chi nhánh không chỉ sử dụng cả vốn đầu tư của chủ sở hữu, mà còn sử dụng cả vốn vay dài hạn và vốn vay ngắn hạn. Qua thực tế hoạt động cho thấy, vốn chủ sở hữu của Chi nhánh không thể đủ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khi mà Chi nhánh luôn phải thi công những công trình có giá trị lớn. Vì vậy Chi nhánh phải vay thêm vốn và trong cơ cấu tiền vay của Chi nhánh các khoản vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn, điều này có thể ảnh hưởng đến tính vững mạnh trong tình hình tài chính của Chi nhánh. Do đó việc bổ sung nội dung phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh là thực sự cần thiết.

Từ số liệu trên bảng cân đối kế toán, để đánh giá tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh ta lập bảng phân tích như sau:

Bảng 4.3: Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Nguồn vốn dài hạn	233.434	263.705		
2. Tài sản dài hạn	185.614	192.476		
3. Nguồn vốn ngắn hạn	318.130	365.904		
4. Tài sản ngắn hạn	365.951	437.133		
5. Tiền kho và các khoản phải thu ngắn hạn	308.132	365.647		
6. Vốn lưu động thường xuyên	47.820	71.229	23.408	48,95
7. Nhu cầu vốn lưu động thường xuyên	-9.998	-9.257	741	7,41

(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính của Chi nhánh)

Qua bảng trên có thể thấy vốn lưu động thường xuyên của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô trong năm 2015 có trị số dương ở mức 71,229 tỷ đồng, tăng 48,95% so với năm 2014. Vốn lưu

động thường xuyên của Chi nhánh > 0 cho thấy là nguồn vốn dài hạn dư thừa sau khi đầu tư vào tài sản dài hạn. Khi đó khả năng thanh toán của doanh nghiệp tốt, tài sản ngắn hạn đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, tình hình tài chính là lành mạnh.

Nhu cầu vốn lưu động thường xuyên của Chi nhánh trong năm 2015 có trị số âm ở mức 9,257 tỷ đồng, tăng 7,41% so với năm 2014. Nhìn vào số liệu đó có thể thấy các nguồn vốn ngắn hạn mà Chi nhánh huy động đã dư thừa để tài trợ các sử dụng ngắn hạn của Chi nhánh và Chi nhánh không cần nhận vốn ngắn hạn thêm nữa để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Qua việc phân tích hai chỉ tiêu trên giúp ta thấy được khả năng đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh là rất tốt, không xảy ra tình trạng thiếu vốn.

▼ *Tách nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh thành hai nội dung là phân tích báo cáo kết quả kinh doanh và phân tích khả năng sinh lời và bổ sung thêm chỉ tiêu phân tích.*

- *Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả kinh doanh.*

Để phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả kinh doanh, ta dựa vào các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng phương pháp so sánh số liệu giữa các kỳ để phân tích hiệu quả kinh doanh. Em tiến hành đánh giá hiệu quả kinh doanh thông qua phân tích các chỉ tiêu trong bảng sau:

Bảng 4.4: Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu thuần	545.435	555.537	10.101	1,85
2. Giá vốn hàng bán	477.537	486.259	8.722	1,83
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.168	24.963	4.795	23,77
4. Lợi nhuận khác	2.039	416	-1.623	-79,58
5. Lợi nhuận trước thuế	22.027	25.379	3.352	15,22
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.835	2.612	776	42,31
7. Lợi nhuận sau thuế	20.372	22.768	2.395	11,76

(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính của Chi nhánh)

Từ bảng trên có thể thấy doanh thu thuần và giá vốn hàng bán của Chi nhánh trong năm 2015 đều tăng so với năm 2014, điều này là do quy mô sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trong năm 2015 lớn hơn, sản lượng cao hơn. Ngoài ra ta thấy giá trị và tốc độ tăng của doanh thu thuần lớn hơn tốc độ và giá trị tăng của giá vốn hàng bán. Kết hợp với sự tác động của hoạt động tài chính trong năm qua đã làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng thêm 4,795 tỷ đồng, tương ứng tốc độ tăng 23,77%. Trong năm 2015, do việc thực hiện tái cấu trúc bằng thoái vốn và sáp nhập đã giúp Chi nhánh chủ động

hơn trong nguồn vốn và giảm chi phí lãi vay, điều này giúp cho hiệu quả hoạt động tài chính của Chi nhánh được cải thiện đáng kể. Tất cả các yếu tố trên giúp cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Chi nhánh tăng, năm 2015 là 25,379 tỷ đồng, tăng 3,352 tỷ đồng tương ứng mức tăng 15,22% so với năm 2014, mức tăng này được xem là tương đối khả quan trong tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn như năm 2015. Mặc dù lợi nhuận kế toán trước thuế của Chi nhánh tăng 15,22% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 11,76%. Nguyên nhân của điều này là do thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2015 đã tăng tới 42,31% so với năm 2014. Khoản mục này tăng đột biến là do điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước tính vào năm này.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra nhận định rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trong năm 2015 là khả quan hơn so với năm 2014.

- *Phân tích khả năng sinh lời*

Để phân tích khả năng sinh lời của Chi nhánh, em đã sử dụng và tính toán một số chỉ tiêu sử dụng cho phân tích như: Hiệu suất sử dụng tổng tài sản, hiệu suất sử dụng tài sản cố định, hiệu suất sử dụng vốn lưu động, tỷ suất lợi nhuận ròng, suất sinh lời tổng tài sản (ROA), Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE). Các chỉ tiêu này được tính toán và so sánh giữa các năm cả về số tuyệt đối và số tương đối và được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

**Bảng 4.5: Phân tích khả năng sinh lời của Chi nhánh Đầu tư phát triển
Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.**

Đơn vị tính: Làn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Hiệu suất sử dụng tổng tài sản	0,96	0,94	-0,02	-2,50
2. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	4,45	4,78	0,32	7,28
3. Hiệu suất sử dụng vốn lưu động	1,48	1,38	-0,10	-6,62
4. Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,037	0,041	0,004	9,73
5. Suất sinh lời tổng tài sản (ROA)	0,036	0,039	0,003	6,99
6. Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)	0,117	0,115	-0,003	-2,20

*(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính
của Chi nhánh)*

Với số liệu trên Bảng 4.5, có thể đưa ra một số phân tích như sau:

Hiệu suất sử dụng tổng tài sản của Chi nhánh trong năm 2015 đã giảm so với năm 2014 từ 0,96 xuống 0,94, tương ứng với giảm 2,5%. Điều này có nghĩa là với 1 đồng tài sản thì trong năm 2015 tạo ra được 0,96 đồng doanh thu thuần còn trong năm 2014 chỉ tạo ra được 0,94 đồng doanh thu thuần. Mức biến động này không lớn, tuy nhiên khi phân tách ra một số loại tài sản cụ thể thì sẽ có biến động đáng kể hơn. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định năm 2015 là 4,78, tăng 7,28% so với năm 2014, còn hiệu suất sử dụng vốn lưu

động năm 2015 là 1,38, giảm 6.62% so với năm 2014. Nguyên nhân của điều này là do mặc dù tài sản cố định trong năm 2015 có suy giảm nhưng doanh thu thuần của năm vẫn tăng, còn tài sản ngắn hạn tăng với tốc độ lớn (19,45%) trong khi doanh thu thuần lại tăng ít (1,85%). Từ đó có thể thấy trong năm này Chi nhánh sử dụng tài sản cố định hiệu quả hơn vốn lưu động trong việc tạo ra doanh thu.

Tỷ suất lợi nhuận ròng của Chi nhánh trong năm 2015 đã tăng so với năm 2014 từ 0,037 lên 0,041, tương ứng với mức tăng 9,73%. Điều này có nghĩa là với 1 đồng doanh thu thì trong năm 2014 tạo ra được 0,037 đồng lợi nhuận ròng, còn trong năm 2015 thì tạo ra được 0,041 đồng lợi nhuận ròng.

Suất sinh lời tổng tài sản (ROA) của Chi nhánh trong năm 2015 đã tăng so với năm 2014 từ 0,036 lên 0,039, tương ứng với mức tăng 6,99%. Điều này có nghĩa là với 1 đồng tài sản thì trong năm 2014 tạo ra được 0,036 đồng lợi nhuận ròng, còn trong năm 2015 thì tạo ra được 0,039 đồng lợi nhuận ròng.

Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) của Chi nhánh trong năm 2015 đã giảm so với năm 2014 từ 0,117 xuống 0,115, tương ứng với mức giảm 2,2%. Điều này có nghĩa là với 1 đồng vốn chủ sở hữu thì trong năm 2014 tạo ra được 0,117 đồng lợi nhuận ròng, còn trong năm 2015 chỉ tạo ra được 0,115 đồng lợi nhuận ròng. Nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm này là trong năm 2015, vốn chủ sở hữu của Chi nhánh đã tăng đột biến với mức tăng 23,71%.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra nhận định rằng khả năng sinh lời của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015 vẫn ổn định và cải thiện hơn so với năm 2014.

▼ *Bổ sung phân tích khả năng cân đối vốn.*

▼ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài việc tìm kiếm và huy động những nguồn vốn rẻ có chi phí thấp thì các doanh nghiệp còn phải chú ý đến khả năng cân đối vốn sao cho hợp lý, tránh tình trạng mất cân đối để có thể giữ vững khả năng thanh toán và tốc độ luân chuyển vốn, tạo điều kiện cho quá trình kinh doanh. Phân tích khả năng cân đối vốn có nghĩa là phân tích cơ cấu giữa nợ và vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn, tức xem xét việc sử dụng nợ đã hợp lý chưa. Việc phân tích khả năng cân đối vốn có thể được thực hiện thông qua một số chỉ tiêu như sau:

Bảng 4.6: Phân tích khả năng cân đối vốn của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Đơn vị tính: Làn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Hệ số nợ	0,68	0,65	-0,03	-3,98
2. Hệ số tự tài trợ	0,32	0,35	0,03	8,38
3. Hệ số đòn bẩy tài chính	3,25	2,97	-0,28	-8,59

(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính của Chi nhánh)

Qua bảng trên có thể thấy trong năm 2015 hệ số nợ của Chi nhánh đã giảm so với năm 2014, đồng nghĩa với nó là hệ số tự tài trợ tăng lên. Hệ số nợ đã giảm từ 0,68 xuống 0,65 tức là giảm khoản 3,98%; còn hệ số tự tài trợ đã tăng từ 0,32 lên 0,35; tức là tăng khoảng 8,38%. Ngoài ra hệ số đòn bẩy tài

chính là một chỉ tiêu có liên quan đến hai hệ số trên, khi hai hệ số trên biến động thì hệ số đòn bẩy tài chính cũng thay đổi đồng thời. Trong năm 2014, hệ số đòn bẩy tài chính đã giảm so với năm 2015 từ 3,25 xuống 2,97; tương ứng với mức giảm 8,59%. Nguyên nhân của tất cả các biến động trên là do quá trình thực hiện thoái vốn và sáp nhập đã nêu ở phần trước, điều này làm gia tăng đáng kể vốn chủ sở hữu (tăng 23,71%) trong khi tổng nợ phải trả biến động ít hơn, chỉ tăng khoảng 9,61%. Điều này làm tăng tỷ trọng của vốn chủ sở hữu và giảm tỷ trọng của nợ phải trả trong tổng nguồn vốn, có nghĩa là hệ số nợ sẽ giảm và hệ số tự tài trợ cũng tăng lên. Khi vốn chủ sở hữu tăng lên thì đương nhiên hệ số đòn bẩy tài chính cũng giảm đi. Nhìn vào cơ cấu vốn như trên cũng chưa thể khẳng định được trạng thái đó là tốt hay không tốt và có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh hay không, nhưng có một điều có thể khẳng định là khả năng tự chủ về tài chính và tính an toàn của tình hình tài chính đã được nâng cao hơn. Trong một bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn như năm 2015, việc đề cao tính an toàn và vững chắc về tài chính cũng được coi là một lựa chọn hợp lý, nó có thể là tiền đề cho việc phát triển mạnh hơn trong tương lai.

▼ *Bổ sung phân tích khả năng hoạt động.*

Phân tích khả năng hoạt động của doanh nghiệp cho phép đánh giá quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Từ một số khoản mục như phải thu, phải trả, hàng tồn kho, doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, ta có thể xem xét được chu trình và tốc độ luân chuyển của khoản phải thu, khoản phải trả, hàng tồn kho, từ đó đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu phục vụ cho phân tích khả năng hoạt động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.7: Phân tích khả năng hoạt động của Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015.

Chỉ tiêu	Cuối năm		Chênh lệch 2015 so với 2014	
	2014	2015	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Vòng quay khoản phải thu	2,35	2,29	-0,06	-2,66
2. Kỳ thu tiền bình quân	155,02	159,25	4,23	2,73
3. Vòng quay hàng tồn kho	5,27	5,34	0,07	1,37
4. Số ngày tồn kho bình quân	69,24	68,31	-0,94	-1,35
5. Vòng quay khoản phải trả	1,74	1,87	0,13	7,72
6. Số ngày phải trả bình quân	210,22	195,16	-15,06	-7,16
7. Khả năng thanh toán lãi vay	2,36	2,92	0,56	23,82

(Nguồn: Tính toán của em qua các số liệu từ Báo cáo tài chính của Chi nhánh)

Từ số liệu tính toán các chỉ tiêu trong bảng trên có thể thấy khả năng hoạt động của Chi nhánh trong năm 2015 có những mặt tốt hơn nhưng cũng có mặt chưa tốt so với năm 2014. Cụ thể là mặc dù vòng quay khoản phải thu thấp hơn, vòng quay khoản phải trả cao hơn nhưng bù lại vòng quay hàng tồn kho cao hơn và khả năng thanh toán lãi vay cao hơn.

Vòng quay khoản phải thu năm 2015 là 2,29, giảm 2,66% so với 2014. Kỳ thu tiền bình quân năm 2015 là 159 ngày, tăng 2,73% so với năm 2014. Nhìn vào hai chỉ tiêu trên có thể thấy năm 2015 Chi nhánh đã chưa làm tốt công tác thu hồi công nợ so với năm trước, khiến cho các khoản phải thu lớn.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2013 là 5,34, giảm 1,37% so với 2015. Số ngày tồn kho bình quân năm 2013 là 68,31 ngày, giảm 1,35% so với năm

2015. Nhìn vào hai chỉ tiêu này có thể thấy năm 2013 Chi nhánh đã làm tốt hơn năm 2015 trong việc quay vòng hàng tồn kho, tuy nhiên Chi nhánh vẫn phải tích cực giải phóng hàng tồn kho hơn nữa vì giá trị khoản mục này vẫn cao.

Vòng quay khoản phải trả năm 2013 là 1,87, tăng 7,72% so với 2015. Số ngày phải trả bình quân năm 2013 là 195 ngày, giảm 7,16% so với năm 2015. Nhìn vào hai chỉ tiêu này có thể thấy trong năm 2013 Chi nhánh đã không làm tốt trong việc kéo dài thời gian trả nợ. Tốc độ biến động của vòng quay khoản phải thu và kỳ thu tiền bình quân lớn hơn tốc độ biến động của vòng quay khoản phải trả và số ngày phải trả bình quân nên dẫn đến khả năng chiếm dụng vốn của Chi nhánh bị giảm sút.

Khả năng thanh toán lãi vay của Chi nhánh trong năm 2013 đã được cải thiện rõ rệt khi tăng từ 2,36 lên 2,92, tương ứng với mức tăng 23,82%. Điều này là do năm 2013 chi phí lãi vay đã giảm từ 16,330 tỷ đồng xuống còn 13,204 tỷ đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế tăng từ 22,027 tỷ đồng lên 25,379 tỷ đồng.

Nhìn chung tình hình hoạt động của Chi nhánh vẫn ổn định và có đôi chút cải thiện hơn so với năm 2015, tuy nhiên nhìn vào bảng cân đối kế toán có thể thấy giá trị khoản phải thu ngắn hạn khá lớn 248,976 tỷ đồng, chiếm 56,92% giá trị tài sản ngắn hạn và giá trị hàng tồn kho là 107,851 tỷ đồng. Mặc dù các doanh nghiệp thi công xây dựng thường có khoản phải thu lớn nhưng để đảm bảo dòng tiền và tránh bị chiếm dụng vốn, Chi nhánh cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiệm thu thanh toán và thu hồi vốn của các công trình.

KẾT LUẬN

Việt Nam đang trong xu thế hội nhập ngày càng sâu, rộng với nền kinh tế thế giới và hướng đến một nền kinh tế phát triển bền vững, hoàn hảo hơn về thông tin. Để đạt được điều đó thì công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính cũng như công tác tổ chức hoạt động phân tích tình hình tài chính cần phải nhận được quan tâm và đầu tư từ cả Nhà nước và các doanh nghiệp. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động phân tích tài chính cũng như tìm hiểu về thực trạng tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, luận văn đã giải quyết được các vấn đề sau:

Một là, luận văn đã hệ thống hoá được cơ sở lý luận về tài chính doanh nghiệp và công tác tổ chức hoạt động phân tích tài chính doanh nghiệp.

Hai là, nghiên cứu thực trạng tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô từ tổ chức và quy trình thực hiện phân tích, thông tin sử dụng trong phân tích đến phương pháp phân tích và nội dung phân tích.

Ba là, luận văn đã đưa ra các đánh giá về những mặt đạt được, những mặt chưa được và nguyên nhân của những mặt chưa được trong tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức hoạt động phân tích tài chính tại Chi nhánh.

Về cơ bản luận văn đã giải quyết được các mục tiêu đề ra ban đầu. Tuy nhiên do những hạn chế về mặt thời gian, trình độ bản thân cùng những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác, luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô, các chuyên gia và những người quan tâm đến lĩnh vực phân tích tài chính để hoàn thiện hơn trong các nghiên cứu sau này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào (2012), *Tài chính Doanh nghiệp*, tr 4, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Ngô Thế Chi (2008), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Hồng Nhung (2011), *Hoàn thiện công tác phân tích tài chính tại Tổng công ty xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
4. Trần Thị Luận (2015), *Phân tích báo cáo tài chính của công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Bùi Thị Thanh Hương (2013), *Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích tài chính tại Công ty 17 – Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
6. Nguyễn Năng Phúc (2013), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
7. Nguyễn Ngọc Quang (2002), *Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong các doanh nghiệp xây dựng của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
8. Nguyễn Quang Thu (2007), *Quản trị tài chính căn bản*, NXB Thống kê.
9. Nguyễn Văn Công (2003), *Lập, đọc, kiểm tra và phân tích báo cáo tài chính*, NXB Tài chính
10. Nguyễn Văn Công (2011), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Phạm Quang Trung (2009), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
12. Phạm Xuân Kiên (2011), *Phân tích tài chính trong các doanh nghiệp giao thông đường bộ Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
13. Phòng Tài chính Kế toán Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô (2013), *Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2013*.
14. Phòng Tài chính Kế toán Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô (2014), *Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2014*.
15. Phòng Tài chính Kế toán Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô (2015), *Báo cáo phân tích tài chính Chi nhánh Đầu tư phát triển Hạ Tầng - Tổng công ty xây dựng Lũng Lô năm 2015*.
16. Tổng công ty xây dựng Lũng Lô, [http: lunglo.com.vn](http://lunglo.com.vn)